

915.97

ĐC

37605

Đ 103 N

QUẢN TRIỀU NGUYỄN

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHỈ

TẬP 5



Tỉnh Biên Hoà

Trang 35 - 86

NHA XUẤT BẢN THUẬN HÓA

**ĐẠI NAM  
NHẤT THÔNG CHÍ  
TẬP V**

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN SỬ HỌC

---

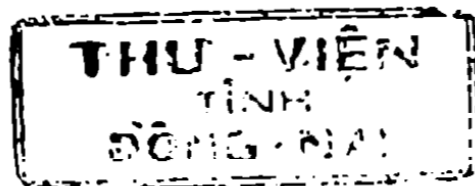
QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

TẬP 5

Người dịch : PHẠM TRỌNG ĐIỂM

Người hiệu đính : ĐÀO DUY ANH



2018/BC/VV 00001264

---

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

**ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ**  
(Tập 5)

---

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản :*

**LÊ DẦN**

*Biên tập :* **LÊ DẦN**  
*Bìa :* **ĐỖ DUY NGỌC**  
*Trình bày :* **HUY HÀ**  
*Sửa bản in* **TRỌNG THỦY**

---

---

---

In 500 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Xí nghiệp in Quận 1. Số ĐKKHXB  
05/182/KB. Cục Xuất Bản cấp ngày 26/3/96. Giấy phép trích ngang  
số 275/XBTH ngày 15/5/96. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1997.

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

## QUYỀN XXVI

### TỈNH HÀ TIÊN

Đông tây cách nhau 37 dặm, nam bắc cách nhau 25 dặm, phía đông đến địa giới huyện Hà Dương tỉnh An Giang 35 dặm, phía tây đến biển 2 dặm, phía nam vượt qua núi Tô Châu đến biển 5 dặm, phía bắc đến địa giới Cao Mên 25 dặm, phía đông nam đến địa giới huyện Phong Thịnh tỉnh An Giang 150 dặm linh, phía tây nam đến biển chừng 1 dặm, phía đông bắc đến địa giới Cao Mên 25 dặm, phía tây bắc vượt qua núi Bạch Ô đến biển 20 dặm. Từ tỉnh lỵ đi về phía đông đến Kinh 1.325 dặm.

### PHÂN DÃ

Theo thiên văn, thuộc khu vực sao Dư quĩ, về tinh thứ sao Thuần Vĩ.

### DỤNG ĐẤT VÀ DIÊN CÁCH

Xưa là đất Mang Khảm (tục gọi thành Trúc Phan, lại gọi trấn Đồng Trụ—Mang Khảm cũng như người

Kinh nói Phương Thành). Hồi đầu bản triều người tỉnh Quảng Đông Trung Quốc là Mạc Cửu sang phương Nam thấy đất này có lối buôn các nước tụ tập, nhân đây chiêu tập dân xiêu tán đến ở các xứ Phú Quốc, Vũng Thơm, Rạch Giá, Cà Mau lập thành 7 xã, tự đứng cai quản. Tương truyền chỗ này từng có người tiên xuất hiện ở trên sông, do đây gọi là Hà Tiên.

Năm Giáp Ngọ (1714) đời Hiền Tông, Cửu xin nội phụ, phong làm tổng binh trấn Hà Tiên, đóng ở Phương Thành. Từ đây nhân dân tụ họp mỗi ngày một đông. Năm Ất Mão (1735) Mạc Cửu chết, Túc Tông cho con Cửu là Thiên Tứ làm đô đốc trấn Hà Tiên, đặt nha thuộc, dựng thành lũy, mở mang chợ phố nhiều người buôn bán đến tụ họp. Thiên Tứ lại mời những người có văn học, hằng ngày ngâm vịnh với nhau, có «*Hà Tiên thập vịnh*» lưu hành. Năm Đinh Sửu (1757), nước Cao Mên có loạn, Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên, Thiên Tứ xin với (chúa Nguyễn) cho người hộ tống về nước. Nặc Tôn lấy làm ơn huệ, cắt cho đất 5 phủ là Châu Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh, Cần Bột và Vũng Thơm để báo ơn, Thiên Tứ đem đất 5 phủ ấy dâng triều đình. Cho thuộc về Hà Tiên quản hạt, rồi lập đạo Kiên Giang ở Rạch Giá và đạo Long Xuyên ở Cà Mau, đều đặt quan lại để cai trị. Năm Nhâm Thìn (1772) đời Duệ Tông, ngự vương Xiêm La là Phi Nhã Tôn đem quân cướp Hà Tiên, san phẳng thành lũy. Thiên Tứ lui giữ Trấn Giang. Mùa xuân năm Ất Mùi (1775), Duệ Tông chạy vào Nam, Thiên Tứ đến bái yết ở hành tại, sau đó về Trấn Giang chiêu tập binh sĩ. Mùa đông năm Tân Dậu, quân Tây Sơn xâm phạm Long Xuyên, Thiên Tứ sang Xiêm xin viện binh, bị Phi Nhã Tôn nghi ngờ, rồi Thiên Tứ chết

ở Xiêm La. Hà Tiên lại bị giặc Xiêm chiếm cứ, đến năm Đinh Mùi (1787), Thế tổ Cao hoàng đế mới lấy lại được. Năm Mậu Thân đem hai đạo Kiên Giang và Long Xuyên đổi lệ vào dinh Vĩnh Trấn; năm Gia Long thứ 7 mới đặt hai huyện Kiên Giang và Long Xuyên do đạo quản trị, năm thứ 9, đổi lệ vào Hà Tiên, năm Minh Mệnh thứ 6, bỏ đạo đặt chức tri huyện; lại đặt huyện Hà Tiên thuộc phủ An Biên; năm thứ 13 chia tỉnh hạt gọi là tỉnh Hà Tiên, đổi phủ An Biên làm phủ Quan Biên và đổi huyện Hà Tiên làm huyện Hà Châu; năm thứ 14, nguy Khôi nổi loạn, tỉnh thành thất thủ, rồi lại bị giặc Xiêm giày xéo, đại binh tiến đánh mới dẹp được; năm thứ 15 lại đổi phủ Quan Biên làm phủ An Biên, đem đất Cần Bột và Vưng Thơm. đặt 2 phủ Quảng Biên và Khai Biên; năm thứ 18 hạ phủ Khai Biên xuống làm huyện và đặt thêm huyện Kim Trường (sau đổi là Vĩnh Trường), đều cho lệ vào phủ Quảng Biên; năm thứ 20 đặt phủ Tĩnh Biên, đem 2 huyện Hà Dương và Hà Âm lệ vào, đời Thiệu Trị bỏ phủ Quảng Biên, sau đem phủ Tĩnh Biên và 2 huyện lệ vào tỉnh An Giang. Nay lãnh 1 phủ 3 huyện (1):

*Phủ An Biên:* ở phía tây bắc liền với tỉnh thành, đông tây nam bắc cách phủ cũng như tỉnh thành. Nguyên là đất Phương Thành, hồi đầu bản triều Mạc Cửu mở mang làm Hà Tiên, năm Minh Mệnh thứ 7 mới đặt phủ, nhưng do tri huyện kiêm lí; năm thứ 13 đổi gọi là phủ Quan Biên, sau trở lại tên cũ là An

---

(1) Thời Pháp thuộc tỉnh Hà Tiên chia làm bốn tỉnh: tỉnh Hà Tiên (huyện Hà Châu cũ), tỉnh Rạch Giá (huyện Kiên Giang cũ), tỉnh Long Xuyên (huyện Long Xuyên cũ), tỉnh Bạc Liêu (cũng đất huyện Long Xuyên).

Biên; năm thứ 17 mới đặt tri phủ. Lãnh 3 huyện, 11 tổng, 194 xã thôn bang phố.

*Huyện Hà Châu*: đông tây cách nhau 27 dặm, nam bắc cách nhau 42 dặm, phía đông đến địa giới huyện Hà Âm tỉnh An Giang 25 dặm, phía tây giáp biển 2 dặm, phía nam giáp địa giới huyện Kiên Giang 22 dặm, phía bắc đến địa giới Cao Mên 20 dặm; năm Minh Mệnh thứ 6 mới đặt huyện Hà Tiên, năm thứ 13 đổi tên hiện nay, năm thứ 17 thuộc phủ kiêm lí, lãnh 5 tổng, 63 xã, thôn, bang phố.

*Huyện Kiên Giang*: ở cách phủ hơn 90 dặm về phía đông nam; đông tây cách nhau 37 dặm, nam bắc cách nhau 44 dặm, phía đông đến địa giới huyện Phong Phú tỉnh An Giang 25 dặm, phía tây vượt qua núi Tật Lê ra giáp biển 12 dặm, phía nam đến lâm phận rừng huyện Long Xuyên 22 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Hà Châu 22 dặm. Nguyên là đất Rạch Giá từ lúc Mạc Cửu mở mang, mới lệ vào Hà Tiên, đặt đạo Kiên Giang; năm Gia Long thứ 7 mới đặt tên huyện hiện nay, vẫn do đạo quản hạt, năm Minh Mệnh thứ 6, bỏ quản đạo, đặt tri huyện, thuộc phủ An Biên thống hạt. Lãnh 4 tổng, 66 xã, thôn, bang phố.

*Huyện Long Xuyên*: ở cách phủ hơn 150 dặm về phía đông nam; đông tây cách nhau 35 dặm, nam bắc cách nhau 33 dặm, phía đông giáp địa giới huyện Phong Thịnh tỉnh An Giang 18 dặm, phía tây vượt qua núi Bạch Thạch ra đến biển 17 dặm, phía nam đến cửa Hậu Ra giáp biển 15 dặm, phía bắc giáp lâm phận huyện Kiên Giang 18 dặm. Nguyên trước là đất Cà Mau, từ lúc Mạc Cửu mở mang mới lệ vào Hà Tiên,

đặt đạo Long Xuyên, năm Gia Long thứ 7 đặt tên huyện hiện nay vẫn do đạo quản hạt, năm Minh Mệnh thứ 6 bỏ quản đạo đặt tri huyện thuộc phủ An Biên thống hạt. Nay lãnh 2 tổng, 55 xã, thôn, bang phố.

### HÌNH THẾ

Phía đông nam giáp tỉnh An Giang, phía tây nam giáp biển, phía bắc tiếp Cao Mên, núi cao có Vân Sơn, sông lớn có Đông Hồ; dựa núi làm quách, sát biển làm hào, bảo Giang Thành đỡ mặt sau, lũy bảo Phù Anh Thi Vạn che mặt sau; pháo đài Kim Dữ là then khóa ở cửa biển, đảo Phú Quốc là bình phong ở ngoài khơi. Phía đông có sông Vĩnh Tế để thông đường quân đường lương với các tỉnh ngoài, thực là nơi cửa ngõ hiểm yếu của Nam Kỳ.

### KHÍ HẬU

Đất ở vào chỗ ẩm thấp, khí trời nóng nực. Ba tháng xuân, khí nóng lưu hành, khoảng hè sang thu mưa rào từng trận. Từ tháng 4 đến tháng 9 gió nồm thổi mạnh, tháng 10 mới thôi; từ tháng một, tháng chạp sang tháng giêng, tháng hai thường có gió tây bắc. Gió nồm thổi mạnh về buổi sáng, gió bắc thổi mạnh về buổi chiều. Bắt đầu mùa xuân đã có nổi sấm; sau tiết lập đông vẫn chưa thấy rét. Lại có gió núi gió biển lạnh buốt đến xương. Khí ẩm bốc hun, hay sinh sốt rét. Thủy triều lên mà gặp gió đông bắc thổi mạnh, thì có thể ngập cả bờ bến, nếu không thì lên xuống như thường. Làm ruộng thì tháng 5 tháng 6 gieo mạ, tháng 7 tháng 8 cấy, thu hoạch vào tháng chạp và tháng giêng.

## PHONG TỤC

Học trò hơi biết chữ, nhà nông chăm làm ăn. Người Kinh người Man ở lẫn nhau, quá nửa làm nghề buôn bán, kĩ nghệ chỉ làm được những thứ tầm thường. Người Trung Quốc, người Cao Mên, người Chà Và hay ở ven biển để sinh nhai; người ta không định cư một chỗ mà thiên di không thường.

Chỉ hai huyện Long Xuyên; Kiên Giang là có nhiều nông dân, cũng biết chăm nghề căn bản. Lúa gạo trong tỉnh hạt là nhờ ở hai huyện. Tính người nhẹ nhõm, ham thích phong lưu. Không ai gian tham, không ai trộm cướp, phần nhiều hào phóng, ưa chuộng xa hoa. Khi đi ra đường, con trai dùng cây lọng nhỏ, con gái dùng tấm khăn dài; con trai búi tóc cái trâm, con gái khoác khăn trên đầu rủ xuống. Tính chịu nóng quen nước; tin Phật chuộng thầy; đau ốm không dùng thuốc men mà chỉ cúng quẩy; dùng cả phò phép Cao Mên. Việc tang tế thì dùng lẫn cả đạo nho và đạo Phật, gặp việc vui mừng thì phóng đặng, việc hôn thú thì làm đủ ba lễ (vấn danh, thỉnh kì, thân nghinh). Ngày tam nguyên thì sắm lễ cúng Phật đề cầu phúc. Đêm tết Nguyên đán thì xem khí trời trong sáng là năm ấy được mùa, khí đất trong sáng thì sông chằm lợi lớn. Tiết Thanh Minh thì tảo mộ, tết Đoan Ngọ thì đua thuyền. Còn các lễ tiết khác thì cũng giống như Gia Định. Đến như tục người Thổ, cứ tháng 3 hằng năm thì sắm sửa đèn hương hoa quả cầu phúc ở chùa Hồ (chùa Mên), sau 3 ngày hội nhau ăn uống gọi là mừng tuổi; tháng 8 thì rước nước, tháng 10 tiễn nước, cũng như phong tục người Thổ ở An Giang.

## THÀNH TRÌ

*Thành tỉnh Hà Tiên*: chu vi 96 trượng 2 thước, cao 7 thước 2 tấc, chân thành dày một trượng 5 tấc, xây bằng đá, hào sâu 3 thước 5 tấc, mở ba cửa ở trước và tả hữu. Trước kia tỉnh lỵ ở xã Mĩ Đức huyện Hà Châu, năm Minh Mệnh thứ 9 dời đến thủ sở Giang Thành, năm thứ 14 lại dời về chỗ cũ, năm thứ 15 xây bảo Trấn Biên, nhân lấy làm tỉnh lỵ.

*Lỵ sở phủ An Biên*: chu vi 50 trượng, rào chông chà, ở địa phận thôn Mĩ Đức huyện Hà Châu, là huyện kiêm lí của phủ, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 15.

*Bảo huyện Kiến Giang*: mặt trước dài 19 trượng 2 thước, ngang 12 trượng 6 thước, ở địa phận xã Vân Tập, đắp năm Thiệu Trị thứ 1.

*Lỵ sở huyện Long Xuyên*: chu vi 52 trượng, rào chông chà, ở địa phận thôn Tân Châu trước kia ở địa phận thôn Tân Phong, năm Minh Mệnh thứ 7 dời đến chỗ đóng hiện nay.

## TRƯỜNG HỌC

*Trường học tỉnh*: chưa dựng.

*Trường học huyện Long Xuyên*: ở phía đông huyện lỵ, dựng năm Thiệu Trị thứ 7.

## HỘ KHÀU

Đời Gia Long, số đinh 1.500 người hơn, nay 5.793 người.

## THUẾ RUỘNG

Ruộng đất 1.699 mẫu, ngạch thuế là 1.408 hộ thóc, 1.441 quan tiền, 2.192 lạng bạc.

## NÚI SÔNG

*Núi Bình Sơn*: ở cách huyện Hà Châu 1 dặm về phía bắc, chu vi 2 dặm, cao hơn 5 trượng, nhiều ngọn chập chồng, quanh co góc biển, ôm sau tỉnh thành như bức bình phong. Bên ngoài có suối chảy quanh đồ ra biển, ở phía nam và phía bắc liền suối Bạch. Tháp chảy ra Đông Hồ, làm hào của tỉnh thành. Trong tập thơ « Hà Tiên thập cảnh », bài « Bình Sơn điệp thúy » (Bình Sơn chông chắt sắc xanh) là một.

*Núi Ngũ Hồ*: ở cách huyện Hà Châu nửa dặm về phía bắc, vai nhô đầu gục như con hồ ngồi.

*Núi Bát Giác*: ở phía tả huyện lỵ Hà Châu, hình núi có nhiều cạnh góc, như hình bát giác, cây cối tươi tốt.

*Núi Dương Long*: ở phía hữu huyện Hà Châu, có một đường từ phía bắc núi đi đến phố trấn Đại Đồng.

*Núi Phù Anh*: ở cách huyện Hà Châu 1 dặm về phía bắc, hang hổ mốc xanh, chân núi có chùa, cũng theo tên núi.

*Gò Lộc Trĩ*: ở cách huyện Hà Châu 13 dặm về phía tây, sườn đứng, ngọn nước lạnh đất tốt. Nhân dân làm nhà ở trên đỉnh cao. Trong tập thơ « Hà Tiên thập cảnh », bài « Lộc trĩ thôn cư » (thôn xóm ở Lộc Trĩ) là một.

*Núi Kháo Sơn*: ở địa phận huyện Hà Châu, cách Lộc Trì 4 dặm về phía tây, có vũng biển lồng vào, ba ngọn núi đứng như chân vạc; cây cối xanh tươi, thuyền chài tụ tập, có thú vui đặc biệt về sơn hải.

*Núi Đại Tạng*: ở huyện Hà Châu cách núi Phù Anh 1 dặm, trên núi có chùa Địa Tạng. Núi này là một cảnh trong tập thơ «Hà Tiên thập cảnh» đề là «Sơn tự thần chung» (tiếng chuông huổi sáng ở Sơn Tự).

*Núi Vân Sơn*: ở huyện Hà Châu, cách núi Địa Tạng 1 dặm, cao chừng 4 trượng, bốn bên dốc đứng như cái cột kinh thiên. Núi động rộng 4, 5 trượng, trong có chùa Bạch Vân. Trên núi có một lỗ hở, có thể leo trèo lên được; dưới đỉnh núi có một lỗ hở, không biết sâu bao nhiêu; tương truyền một lần Mạc Thiên Tứ sai người theo lỗ hở đi sâu xuống, không biết thế nào là cùng, chỉ nghe tiếng sóng, người ấy sợ phải quay ra. Núi này là một cảnh trong tập «Hà Tiên thập cảnh» đề là «Thạch động thôn vân» (động đá nuốt mây).

*Núi Bạch Tháp*: ở huyện Hà Châu, cách Vân Sơn 5 dặm về phía bắc, hình núi quanh co, cây cối xanh tốt, hòa thượng Hoàng Long Đại tự Qui Nhân đến tu hành ở đây.

*Núi Tô Châu*: ở phía đông huyện Hà Châu, lờm chờm cao vót, cây cối rườm rà, chân núi chạy sát đến bến Đông Hồ, gần sáng đứng trước tỉnh mà trông cảnh trí rất đẹp.

*Núi Đại Táo*: ở phía tây huyện Hà Châu, cây cối um tùm, đất đá lẫn lộn, gần đây có núi Tiểu Táo,

nhân thể núi đắp lũy dài làm cho hai quả núi thông với nhau.

*Núi Tượng Sơn*: ở phía tây bắc huyện Hà Châu, hình thể chỗ cao chỗ thấp như voi phục, cỏ cây xanh tốt.

*Núi Thi Vạn*: ở huyện Hà Châu, bảy tám ngọn dăng dài làm lũy ngoài của tỉnh.

*Núi Chung Sơn*: ở huyện Hà Châu, hình thể lởm chởm, cây cối rậm rạp, có chùa Thiên Thành ở trong hang, thờ tượng Phật, có bàn ghế đá như tạc; một mặt hang trông ra biển, ba mặt có đầm vòng quanh, tục gọi là hang Hồ Lô, bỏ vật gì vào trong hang, thì tiếng nước nghe như tiếng chuông nên gọi tên núi như thế. Lại có tên nữa là núi Chông. Gần núi có hòn Nghê, đột ngót giữa biển vuông rộng nửa dặm, trên đảo có khối đá, cao hơn một thước, hình thể như con nghê ngồi, nên gọi tên thế.

*Lên Châu Nham*: ở cách huyện Hà Châu 22 dặm về phía đông, đỉnh núi tròn trĩnh đẹp đẽ, chân ra bãi biển, dưới biển có chân đá, có vũng lầy bùn ở tả hữu; có giống trai văn đỏ ở dưới đá lóng lánh. Tương truyền, lúc Mạc Cửu chưa làm quan, đi qua dưới núi này, bắt được một viên trân châu, đem dâng chúa Nguyễn. Cảnh núi là vực nước sâu trong là hang hổ của tôm cá, nên chim cò đến ăn, bơi lội thành đàn. Đây là một cảnh trong «Hà Tiên thập cảnh» đề là «Châu Nham lạc lô» (chim cò sa xuống Châu Nham).

*Núi Kích Sơn*: ở huyện Hà Châu, ngọn núi nhọn tua tủa như kích dựng, chu vi chừng 2 dặm, cách núi

Chung Sơn 9 dặm về phía đông, bỏ ra tận bãi biển, gò đồng ở đầu phía bắc trồng nhiều hồ tiêu.

*Núi Linh Quỳnh* : ở cách huyện Hà Châu 120 dặm về phía bắc, thế núi cao vót văng vể, khe suối nước xiết; phía tây bắc nhiều rừng gò, phía đông nam nhiều ruộng chăm, người Kinh người Thổ cùng nhau làm ăn, cũng là đất màu mỡ.

*Núi Sài Mạc* : ở cách huyện Hà Châu 140 dặm về phía bắc, núi gò chỗ cao chỗ thấp, cây tốt, khe trong, người Kinh, người Thổ ở lẫn lộn. Trước kia Nặc Bồn xâm lấn Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ đánh phá quân của Bồn, là ở chỗ này.

*Núi Thờ Sơn* : ở huyện Kiên Giang cách núi Kịch Sơn 77 dặm về phía đông, hòn lớn hòn nhỏ đứng đối nhau, Chu vi chừng 5 dặm, đất đá gập ghềnh, chạy ra đến bãi biển; khe Vạn Thanh ở phía đông, khe Dừa ở phía tây, cây cối um tùm. Phía bắc núi có nhiều bộ săn làm nghề lấy mật ong và săn thú rừng.

*Núi Tây Thờ* : ở huyện Hà Châu, cách Kháo Sơn 28 dặm về phía tây, ngòi Trư giáp phía đông, rạch Phương Thảo giáp phía tây, cây rừng liên tiếp, trại sách người Man ở đây, đất đai phần nhiều chưa khai khẩn.

*Núi Bạch Mã* : ở cách huyện Hà Châu 20 dặm về phía tây bắc, giáp địa giới phủ lệ Quảng Biên cũ, hoang vu xa lánh.

*Núi Bồng Sơn* : ở cách huyện Hà Châu 30 dặm về phía tây bắc, chu vi chừng 8, 9 dặm, cây cối tốt tươi.

*Núi Phong Trách* : ở cách huyện Hà Châu 25 dặm về phía tây bắc, dưới chân núi là sách người Man.

*Mũi Ghềnh Tiên* : ở huyện Hà Châu, cách Thổ Sơn 30 dặm về phía tây, đá núi lô nhô, bậc lên hiểm dốc trông ra góc biển, sóng nước ào ào, thường có gió lồng, đi thuyền phải cẩn thận. Từ đây sang phía bắc, về phía tây, núi non liên tiếp, khe suối đứt liền, cây rừng rậm rạp, là chỗ hang ổ của chim muông.

*Lèn Bạch Thạch* : ở cách huyện Long Xuyên 20 dặm về phía tây, hình thể đỉnh đặc, đứng thẳng ở bờ biển, chu vi chừng 2 dặm, dưới chân có bốn năm hòn đá trắng, cao chừng 5 thước, ánh nắng chiếu vào trông trắng toát nên gọi tên lèn, mặt trước trông ra biển cạn, nhiều loài cua cá sò trai.

*Núi Trà Sơn* : ở cách huyện Long Xuyên chừng 10 dặm về phía tây. Đầu đời trung hưng, trong trận Long Xuyên, vua (tức Gia Long) chạy đến Trà Sơn, quân của Nguyễn Văn Trương đuổi theo sắp kịp, lúc ấy trong núi không có gió mà cây lớn tự nhiên đổ xuống lấp đường. Trương cho là thần, phải rút quân đi. Tức là núi này.

*Hòn Đại Kim* : ở bãi Nam Hải huyện Hà Châu, chu vi 193 trượng 5 thước, cản trở sóng dữ, trấn giữ cửa biển, có bắc cầu bằng ván đề ra vào, phía sau có viện Quan Âm là chỗ bà Tống Thị thêu tượng Phật đề tu hành; phía tả là diễu đình du khách thường đến đây ngâm vịnh; phía trước đặt thủ trại, phía tây nam đắp lũy đá bao bọc, để phòng giặc biển. Hòn này là một cảnh trong « Hà Tiên thập cảnh » đề là « Kim

Dữ lan đảo > (Hòn Kim Dữ chắn sóng). Nay có pháo đài.

*Hòn Tiều Kim*: ở ngoài cảng huyện Hà Châu, chu vi 74 trượng, hình thế như con kim ngao trấn cửa biển, làm tiêu chí cho tàu thuyền ra vào.

*Hòn Trúc nội*: ở giữa biển, thuộc hải phận huyện Hà Châu, chu vi chừng 5 dặm, hòn lớn hòn nhỏ đứng sừng, cây tùng cây trúc xanh tươi.

*Hòn Trúc ngoại*: ở giữa biển thuộc hải phận huyện Hà Châu, là bình phong trấn phía ngoài cửa tỉnh, chu vi chừng 7 dặm, hai ngọn đối nhau, tranh tre um tùm, tiếng suối dội đá, lúc đêm thanh nghe tiếng như rỗng găm ở biển.

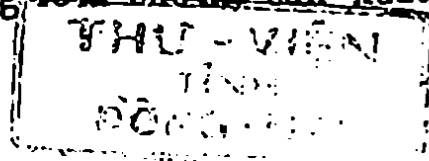
*Hòn Sơn*: ở giữa biển về phía đông nam huyện Hà Châu, chu vi chừng 10 dặm, đá núi lô nhô, hang động khúc khuỷu, sản xuất yến sào, đồi mồi, con vích.

*Hòn Dầu rái*: ở giữa biển về phía đông nam huyện Hà Châu, đường đi nửa ngày đến được. hang động âm u, cây cối xanh tốt, sản xuất yến sào, và dầu rái. Dân biển tụ tập ở chân núi.

2018/ĐC/VV 00001264

*Hòn Uất Kim (Hòn Nghệ)*: ở giữa biển phía nam huyện Hà Châu, chu vi 20 dặm, cây cối cao to; hang động sâu thẳm, sản xuất yến sào và dầu rái, dân ở đông đúc tại chân núi và bờ khe.

*Hòn Đá lửa*: ở giữa biển, về huyện Hã Châu, ba ngọn cao vót, chu vi chừng 4 dặm, cây cối khẳng khiu, đá núi có thể đánh lửa, hang động ~~lớn chồm~~, sản xuất



yến sào, trước có người Chà Và ở đây, nay đã dời đi chỗ khác.

*Hòn Trúc:* ở về huyện Kiên Giang, là ngoại án của biển, chu vi 20 dặm, hang động âm u; sản xuất yến sào, trước có người ở, nay dời đi nơi khác. Bên cạnh cửa lao có một cái động, cửa động rộng hai thước, trong động rộng chừng 10 trượng, ánh sáng mặt trời lọt vào, trông thấy cả rõ mũi kim sợi chỉ; giữa động có đề một cái chum cổ, vai chum chu vi chừng 3 thước, không rõ khí vật đời nào để lại và lúc bắt đầu do chỗ nào đem vào.

*Đảo Phú Quốc:* ở giữa biển phía tây nam huyện Hà Châu, đường đi một ngày một đêm đến được. Trước kia thuộc đạo Long Xuyên, năm Gia Long thứ 18, vì sự cận tiện, trích cho lệ vào Hà Tiên. Đỉnh núi chọc trời, các ngọn hướng về phương bắc. Đông tây cách nhau 200 dặm, nam bắc cách nhau 100 dặm; không có hồ báo mã nhiều lợn rừng, trong núi có hươu nai; yến sào, dây mây, gỗ tốt, đồi mồi, hải sâm, quế thơm. Đất ưa cấy lúa sớm trồng các thứ đậu, ngô, dưa, ít cấy lúa nếp. Trong núi sản huyền phách, sắc óng ánh như sơn, có thể dùng làm hạt đeo cục lớn có thể tạc hộp trâu, chén, đĩa. Có khi có long diên hương. Lại có cây hắc ban hương, ngoài vỏ có chấm lốm đốm, đen như trầm hương non, chất nhẹ, vị kém, gỗ to, ruột rỗng, có thể dùng làm ống bút. Cửa Dương ở phía tây nam nhỏ mà đậu thuyền yên ổn. Dân biển ở đây thành thôn xóm. Gần về phía nam có Hòn nhỏ Cỏ rồng, phía đông nam có hòn Dừa, phía tây bắc có hòn Năng nội, hòn Năng ngoại. Đầu đời trung hưng, Thế tổ Cao hoàng đế từng

đóng ở đây, nhân dân đều tỏ lòng thành giúp sức, dò thám và báo cáo tình hình giặc, cung cấp đồ dùng. Sau khi đại định, gia ân cho miễn thuế thân và dao dịch, dầu là thuyền đánh cá buôn bán, cũng không đánh thuế; chỉ vì ở mãi ngoài biển cả, cần phải đề phòng giặc biển Chà Và, nên có đặt sở thủ ngự, lấy dân làm lính, có đủ khí giới, cùng nhau phòng thủ để giữ lấy địa phương của mình mà thôi, đến năm Minh Mệnh thứ 2 mới đắp bảo bằng đất để phòng phủ (xem thêm mục « Cửa quan và tấn sở »).

*Hòn Thỏ Châu*: ở ngoài biển về huyện Hà Châu, cách bờ 2 ngày rưỡi đường; lại có tên là hòn Châu Dầu, chu vi chừng trăm dặm, cây cối xanh om, hang động âm u, sản xuất yến sào, đồi mồi, con vích, hải sâm; trên cù lao có dân cư. Đầu đời trung hưng, Thế tổ Cao hoàng để tưng đỗ thuyền ở đây.

*Hòn Rái*: ở huyện Kiên Giang, sản xuất nhiều dầu rái, dân thường lấy nộp, được miễn thuế thân.

*Hòn Khoai*: ở giữa biển thuộc huyện Long Xuyên, chu vi chừng vài ba mươi dặm, trên có thác nước rất ngon, bốn mùa không cạn, thuyền buôn các nước qua lại thường ghé vào đây để lấy củ nước.

*Đá Kim Qui*: ở huyện Long Xuyên, có một phiến đá lớn nằm ở bãi biển, như hình đầu rùa, sắc đá vàng và đỏ, nên gọi tên thế; phía đông có vũng cũng gọi là vũng Kim Qui.

*Cù lao Cò Luân*: ở cách bờ biển 30 dặm về phía đông nam, cây cối tốt tươi, rất nhiều cá.

*Cù lao Cò Công*: ở phía tây huyện Hà Châu, phía

đông cảng Vũng Thơm, chu vi 16 dặm, đá núi lởm chởm, cây cối um tùm, dưới có vũng sâu; như bức bình phong che bên ngoài, tàu thuyền qua lại thường đỗ ở đây. Biển sản cá to, đồi mồi, hải sâm. Trước kia, chỗ này là nơi tụ tập của giặc biển Hoắc Nhiên.

*Cù lao Cờ Cốt*: ở phía tây cù lao Cổ Công, chu vi 50 dặm, cách cù lao Giam Khảm biển Đại Đồng ở đầu địa giới nước Xiêm La nửa ngày đường. Cù lao này sản nhiều gỗ to, dầu rái, nhựa trám, dây mây, đồi mồi, hải sâm, cá, vích, hàu sò, nhân dân nhờ lắm. Năm Đinh Mùi đầu đời trung hưng, vua từ Xiêm La trở về đậu thuyền ở cù lao Cờ Cốt, lúc ấy Hà Hỉ Văn đem binh thuyền đến theo, tức là chỗ này.

*Đông Hồ*: ở huyện Hà Châu, phía đông giáp hạ lưu sông Vĩnh Tế, nước hồ mênh mông, rộng 71 trượng, gọi là Hà Tiên, cũng gọi là Đông Hồ. vì hồ ở phía đông huyện. Lòng hồ có cát, nước sâu trên dưới 5 trượng, thuyền bè san sát, tụ tập khách buôn. Hồ này là một cảnh trong tập thơ « Hà Tiên thập cảnh » đề là « Đông Hồ ẩn nguyệt » (Đông Hồ in trăng).

*Nam Phố*: ở phía nam huyện Hà Châu, vì ở phía nam bờ biển nên gọi là Nam Phố. Trong tập thơ « Hà Tiên thập cảnh », có bài « Nam Phố từng ba » (Nam phố sóng trong) cũng là ghi sự thực

*Lư Khê*: ở cách huyện Hà Châu chừng 7 dặm về phía nam và cách núi Tô Châu 4 dặm rưỡi về phía đông, phía nam thông với biển, phía tây có diều đình, di tích của Mạc Thiên Tứ. Khe rộng 2 trượng, sâu 5 thước, dài 5 thước rưỡi, nước chảy về phía bắc đổ vào Đông Hồ. Bài thơ « Lư Khê nhàn diều » (Lư Khê

nhàn câu) trong tập thơ «Hà Tiên thập cảnh» là ghi thú vui.

*Sông Giang Thành*: ở huyện Hà Châu, có ba nguồn: một nguồn từ Tùng Giang chảy qua sông Vĩnh Tế vào sông Giang Thành; một nguồn từ núi Linh Quỳnh, chảy về phía đông nam vào sông Giang Thành, một nguồn từ núi Trục Lộc chảy về phía đông nam, cũng vào sông Giang Thành; rồi chảy hơn 10 dặm vào Đông Hồ mà ra biển.

*Sông Lũng Kè*: ở phía tây huyện Hà Châu, có núi xanh làm màn che, là chỗ Mạc Cửu khai thác, khi mới đến.

*Sông Vân Tập*: ở phía nam huyện Kiên Giang, nước từ sông Thụy Hà chảy về phía tây qua 17 dặm đến vũng Trư, lại chảy 8 dặm qua chân núi Vân Tập, rồi ra biển.

*Đại Giang*: ở cách huyện Kiên Giang 70 dặm về phía nam, tục gọi sông Cái Lớn, có hai nguồn, một nguồn từ sông Phong Phú tỉnh An Giang chảy đến; một nguồn từ sông phía tây huyện Phong Nhiêu chảy đến, vào cửa Đại Môn mà ra biển.

*Tiêu Giang*: ở cách huyện Kiên Giang 50 dặm về phía nam, tục gọi sông Cái Bé, từ sông phía tây nam huyện Phong Phú chảy về phía tây nam qua rạch Huệ, lại chảy hơn 80 dặm qua rạch Thổ Phụ, lại chảy 8 dặm qua rạch Bé mà ra biển.

*Sông Tân Xuyên*: ở huyện Long Xuyên, nước từ sông huyện Phong Thịnh chảy về phía tây, qua phủ Giang Thành, chia làm 2 chi: một chi chảy vào rạch

Hoàng Thái rời ra biển, một chi chảy qua rạch Viên 5 dặm, lại chảy qua Hải Trạch 15 dặm làm sông Tân Xuyên, lại chia làm 2 chi: một chi chảy về phía nam, qua rạch Khai Cừ 80 dặm và qua tấn Ghềnh Hầu mà ra biển, một chi vào sông Nhị Giang.

*Sông Nghi Giang:* ở phía bắc huyện Long Xuyên, nước từ sông Tân Xuyên chảy về phía bắc, qua phủ Nghi Giang, chia làm 3 chi: một chi chảy chuyển sang phía nam 79 dặm, qua sông Hoàng Giang rồi ra biển, một chi chảy về phía bắc chừng 2 dặm, lại chảy chuyển sang phía nam 80 dặm qua rạch Dừa lớn mà ra biển; một chi từ sông Nghi Giang chảy 50 dặm về phía bắc rồi chảy chuyển sang phía nam 70 dặm mà ra biển.

*Sông Khoa Giang:* ở cách huyện Long Xuyên 107 dặm về phía tây, sông có ngã ba chảy suốt đến biển. Năm Đinh Dậu, đầu đời trung hưng, Thế tổ Cao hoàng để tránh quân Tây Sơn, nán thuyền ở Khoa Giang, đến đêm toan ra biển, bỗng có cá sấu chặn ngang trước ba lần, thuyền bèn đỗ lại, sau dò ra thì đường trước có thuyền tuần tiễu của giặc bèn dời đến hòn Thổ Châu.

*Sông Bồ Đề:* ở cách huyện Long Xuyên 70 dặm về phía nam, nước từ rạch Khai Cừ chảy về phía tây 40 dặm, qua thủ Tam Giang, chảy chuyển sang phía nam 8 dặm mà ra biển; lại có một chi từ thủ Tam Giang, chảy sang phía tây nam chừng 10 dặm, qua Cự Môn mà ra biển.

*Mười ngòi:* ở chỗ hai huyện Kiên Giang và Long Xuyên giáp nhau có mười đường ngòi, từ ngòi thứ

nhất đến ngòi thứ mười, xếp đặt thành hàng, nước từ ruộng chảy ra ngoài biển, rất nhiều tôm cá.

*Ba đầm*: ở địa phận huyện Long Xuyên: một là đầm Giời, hai là đầm Heo, ba là đầm Chim, bùn lầy lội, cỏ um tùm, tôm cá rất nhiều, không thể nào ăn hết.

*Năm chằm*: ở huyện Long Xuyên: 1) chằm Đài; 2) chằm Tròn; 3) chằm Biển; 4) chằm Sâu; 5) chằm Trích; tục gọi là «ngũ hồ», có nhiều tôm cá.

*Rạch Bạch Ngưu*: ở huyện Long Xuyên, nước từ các ruộng chảy ra biển.

*Rừng chằm*: ở chỗ hai huyện Kiên Giang và Long Xuyên giáp nhau, có cây rậm rạp, nhìn rộng mênh mông, là hang ổ của chim muông.

## CÒ TÍCH

*Công đường Hà Tiên cũ*: ở huyện Hà Châu, sau đựa Bình Sơn, trước nhìn Tô Châu, phía nam có biển, phía trước có hồ; ba mặt đắp lũy đất, từ bãi Dương đến cửa sau dài 152 trượng, từ cửa hữu đến tả dài 53 trượng rưỡi, từ cửa tả đến xưởng thuyền ra Đông Hồ dài 380 trượng rưỡi, đều cao 4 thước, hào rộng 10 thước. Ở giữa là công thự, là Vọng cung; phía trước, phía tả và phía hữu đều có trại lính; bến đò phía trước có cầu đá; phía tả là nhà tiếp sứ thần, phía hữu là kho công và dinh hiệp trấn; ở chân núi Ngũ hồ, phía ngoài Vọng cung là chợ trấn; phía tả công thự là miếu Quan Đế, phía sau công thự là chùa Tam Bảo, phía tả là đền Mạc Công, phía đông chợ trấn thông ra

bến hồ, bến có trại cá, phía bắc kho công là miếu Hội đồng, phía bắc miếu là xưởng để thuyền. Ngang dọc đều có đường cái làm giới hạn, phía tả miếu Quan Đế là diều kiều, đầu bến có cầu bằng ván qua biển, tiếp diều kiều của hòn Kim Dữ; phía đông là phố Chợ Cũ; lại ở phía đông có phố chợ Tô Sư, nối liền với phố lớn. Tất cả đều là kinh dinh thời Mạc Thiên Tứ. Đường phố quán xuyên, phố xá liên tiếp, người Kinh, người Trung Quốc, người Cao Mên, người Chà Và chia khu mà ở. Tàu biển, thuyền sông đi lại như mắc cửi, thật là một nơi đô hội ở miền biển vậy. Nhưng trải qua binh lửa, trăm phần không còn được một.

*Lũy cũ Tân Khánh*: ở huyện Long Xuyên, đầu đời trung hưng, Thế tổ Cao hoàng đế tránh quân Tây Sơn, đóng quân ở đây, dấu cũ vẫn còn.

*Phủ cũ Quảng Biên*: nguyên là đất Cần Bọt do Nặc Tôn đem dâng, nay lệ vào tỉnh Hà Tiên. Đất ấy ở bờ biển phía đông có một con đường thông đi Nam Vang và Phủ Lật; năm Minh Mệnh thứ 15, lấy đất Cần Bọt làm phủ Quảng Biên, đặt chức án phủ sứ, thuộc tỉnh Hà Tiên, đến năm Thiệu Trị thứ 1, bỏ phủ.

*Huyện cũ Khai Biên*: nguyên là đất Vưng Thơm, do Nặc Tôn dâng, trước lệ vào Hà Tiên. Đất này phía tây, phía đông và phía bắc giáp trấn Cổ Công nước Xiêm La, đường thủy, đường bộ đều đi thông được; năm Minh Mệnh thứ 15, đem đất này đặt làm phủ Khai Biên, năm thứ 18 giáng xuống làm huyện và đặt thêm huyện Kim Trường, sau đổi làm Vĩnh Trường, đều lệ vào phủ Quảng Biên, năm Thiệu Trị thứ 1 bỏ huyện.

*Lũy cũ Giang Thành* : ở phía đông huyện Hà Châu, do Mạc Thiên Tứ đắp. Trong tập thơ « Hà Tiên thập cảnh » có đề « Giang Thành dạ cô » (tiếng trống ban đêm ở Giang Thành), tức là lũy này.

### CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Pháo đài Kim Dữ* : hình tròn, chu vi 17 trượng 3 thước 5 tấc, cao 6 thước 8 tấc, mở một cửa hán nguyệt, chân pháo đài đắp lũy ở ven biển, dài 180 trượng 7 thước, cao 3 thước 5 tấc, chạy ngang ra đến cửa tấn ; lại có pháo yếm ; đề một cổ đại bác ở Đại Kim Dữ, đắp từ năm Minh Mệnh thứ 15 ; lại có đồn Tiểu Kim Dữ, chu vi 30 trượng, cao 3 thước.

*Bảo đài Phù Anh* : ở phía sau tỉnh thành từ pháo đài đến bờ sông Thủy Trường, chu vi 664 trượng 8 thước, cao 6 thước, đắp năm Minh Mệnh thứ 15.

*Bảo đài Thị Vạn* : ở ngoài lũy Phù Anh từ bờ sông Thị Vạn đến gò Lộc Trĩ chu vi 2720 trượng 7 thước, ngoài lũy trồng tre gai, đắp năm Thiệu Trị thứ 2.

*Bảo Lư Khê* : chu vi 53 trượng 2 thước 8 tấc, cao 4 thước, ở địa phận huyện Hà Châu, đắp năm Minh Mệnh thứ 1.

*Bảo Giang Thành* : chu vi 45 trượng 6 thước, cao 5 thước, hào rộng 1 trượng, sâu 5 thước, ở phía hữu sông Vĩnh Tế thuộc huyện Hà Châu, đắp từ năm Minh Mệnh thứ 15.

*Bảo Tiên Thái* : chu vi 52 trượng, cao 7 thước,

mở một cửa, ở địa phận huyện Hà Châu, đắp năm Minh Mệnh thứ 6.

*Bảo Đầm Chiết*: chu vi 15 trượng linh, cao 5 thước ở địa phận huyện Hà Châu, đắp năm Thiệu Trị thứ 2.

*Bảo Phú Quốc*: chu vi 46 trượng, cao 8 thước, mở 2 cửa, ở đảo Phú Quốc thuộc huyện Hà Châu, đắp năm Minh Mệnh thứ 20.

*Bảo Hàm Ninh*: chu vi 32 trượng, bốn mặt đều trồng rào gỗ, dày dặn chắc chắn, ở địa phận huyện Hà Châu, đắp năm Thiệu Trị thứ 2.

*Pháo đài nhỏ Tô Châu*: chu vi 46 trượng 8 thước cao 5 thước, mở một cửa, ở núi Tô Châu thuộc địa phận huyện Hà Châu, đắp năm Thiệu Trị thứ 1.

*Tấn Kim Dữ*: ở cách huyện Hà Châu 2 dặm về phía nam, cửa tấn rộng 200 trượng, giữa tấn có hòn Tiều Kim Dữ, trên có pháo đài.

*Tấn Kiên Giang*: ở huyện Kiên Giang, rộng 80 trượng, bờ phía tây lạch chợ phố trù mật thuyền buôn tụ họp, về phía đông đến tấn thủ Hậu Giang 303 dặm rưỡi, ở quãng giữa bùn lầy ứ lấp có nước lẫn lộn, mùa xuân nước cạn, thuyền không đi được, muỗi và đĩa rất nhiều, năm Gia Long thứ 18 đào sông Hữu Hà, nước sâu đường gần, người ta lấy làm tiện lợi.

*Tấn Cửa Lớn*: ở cách huyện Kiên Giang 26 dặm về phía đông, rộng chừng 100 trượng, thông với đạo Kiên Giang, trong quãng này có nhiều khe ngòi, phía đông tiếp giáp sông Ba Xuyên, người chài lưới tụ họp ở đây. Phía tả có tấn Cửa Bé.

*Tấn Hoàng Giang*: ở cách huyện Long Xuyên 107 dặm về phía tây, trước gọi là cảng Đốc Hoàng, sau đổi tên hiện nay, cửa tấn rộng 40 trượng, đối diện chéch với hòn Trúc ngoài biển.

*Tấn Hợp Phố*: ở huyện Long Xuyên, tục gọi tấn Phú Cáp, rộng 190 trượng linh, phía tả đến tấn Cùg Đàm 30 dặm, phía hữu đến Cửa Lớn 20 dặm.

*Tấn Tam Giang*: ở huyện Long Xuyên, cửa tấn rộng 217 dặm, phía tả đến tấn Cửa Lớn 40 dặm, phía hữu đến tấn Bồ Đề 50 dặm.

*Tấn Bồ Đề*: ở huyện Long Xuyên, cửa tấn rộng 21 trượng 1 thước, đối diện chéch với hòn Khoai ngoài biển, phía hữu đến tấn Ghềnh Hàu 40 dặm.

*Tấn Ghềnh Hàu*: ở cách huyện Long Xuyên 120 dặm rưỡi về phía đông, cửa tấn rộng 25 trượng 6 thước, phía tây nam hợp với thượng lưu tấn Bồ Đề, phía tây bắc thông ra tấn Hoàng Giang, phía đông nam quanh co 109 dặm rưỡi đến tấn Mĩ Thanh tỉnh An Giang, ở quãng giữa có nhiều khe ngòi chằng chịt, mỗi lợi sông chằm không bao giờ hết.

*Thủ Bình Xuyên*: ở huyện Long Xuyên, đất này rất quan yếu, năm Minh Mệnh thứ 1 đặt thủ ngự đóng giữ.

### NHÀ TRẠM

*Trạm sông Tiên Nông*: ở huyện Hà Châu, phía đông đến trạm sông Giang Phúc 60 dặm, phía tây đến trạm sông Tiên An 54 dặm, năm Minh Mệnh thứ 3

đặt tên hai trạm là Kiên Giang, Hà Tiên, năm thứ 21 đổi tên gọi hiện nay.

*Trạm sông Tiên An* : ở huyện Hà Châu, phía đông đến trạm sông Tiên Nông 54 dặm.

### CHỢ

*Chợ Mĩ Đức* : ở huyện Hà Châu, quán xá liên tiếp, người Kinh, người Trung Quốc tụ họp, trước kia đông đúc, nay thưa thớt dần.

*Chợ Sái Phu* : ở huyện Kiên Giang, tục gọi chợ Rạch Giá, quán xá liên tiếp, thuyền buôn tấp nập.

*Chợ Hoàng Giang* : ở trong trấn Hoàng Giang huyện Long Xuyên, phố xá trù mật, thuyền buôn tụ họp.

*Chợ Sân Chim* : ở địa phận hai thôn Đông An và Vĩnh Hòa huyện Kiên Giang, có một sở sân chim, chim biển tụ họp hàng ngàn hàng vạn, hằng năm đến kì chim đẻ, các nghiệp hộ lĩnh trưng, gọi là «thuế sân chim», họ lấy cánh và lông chim bán cho lái buôn Trung Quốc.

### ĐỀN MIẾU

*Miếu Hội đồng* : ở xã Đông Mĩ huyện Hà Châu, dựng năm Minh Mệnh thứ 15, lợp cỏ tranh, năm Tự Đức thứ 3 lợp ngói.

*Đền Quan Công* : ở xã Mĩ Đức huyện Hà Châu, nguyên trước do người Minh Hương dựng, sau bị quân Xiêm La đốt cháy, năm Minh Mệnh thứ 15 dân xã dựng tạm ngôi đền bằng tranh, năm Thiệu Trị thứ 2

lợp ngói, nhân dân cầu đảo thường được linh ứng. Phía sau đền có hồ nước sâu, rộng chừng hơn một mẫu, nhân dân dùng để tưới ruộng.

*Đền Mạc công tam vị*: ở xã Mĩ Đức huyện Hà Châu, thờ ba vị là: Vũ nghi công Mạc Cửu, Quốc lão Mạc Thiên Tứ và Chính lí hầu Mạc Tử Sanh. Do người cháu là Mạc Công Du dựng.

*Đền cò Rạch Giá*: ở huyện Kiên Giang, trước kia là miếu Hội đồng.

*Đền cò Cà Mau*: ở bên cạnh huyện lỵ Long Xuyên, trước gọi là miếu Hội Đồng, trong đền có bảng vàng, màn thêu, cửa son, nhà kín, sáng sủa tinh khiết, thờ Tam giới linh thần rất thiêng, ghi vào đền thờ.

*Đền cò Bắc Đế*: ở phía tả đền Rạch Giá thuộc huyện Kiên Giang.

*Miếu Hải Linh*: ở trên lèn Bạch Thạch thuộc huyện Long Xuyên, mặt trông ra biển, thờ Hải Giang linh thần, thường tỏ linh ứng.

*Đền Thiên Hậu*: ở chân hòn Khoai thuộc huyện Long Xuyên, thờ vị Thiên hậu linh thần.

*Đền phó quản cơ Nguyễn Văn Điều*: ở xã Vân Tập huyện Kiên Giang. Thụ quản cơ Vĩnh Long là Nguyễn Văn Điều theo việc bắt giặc, chết trận, tặng phó quản cơ, thường tỏ linh ứng, năm Thiệu Trị thứ 2, người địa phương lập đền thờ.

## CHÙA QUÁN

*Chùa Bạch Vân*: ở thôn Mĩ Đức huyện Hà Châu,

trước do người phú hộ Minh Hương là Đoàn Tân dựng, năm Thiệu Trị thứ 7, tuần phủ Phan Tùng tu bổ, cảnh trí tinh mịch, cây cối âm u, chim kêu, vượn hót, cũng rất u nhã.

*Chùa Phù Anh*: ở địa phận xã Mĩ Đức huyện Hà Châu dưới chân núi Phù Anh, do Mạc Thiên Tứ dựng, năm Thiệu Trị thứ 6 nhân dân trong tỉnh xây gạch lợp ngói có tiếng là thắng cảnh.

*Chùa Tam Bảo*: ở huyện Hà Châu, do Mạc Cửu dựng từ trước. Bấy giờ người mẹ Mạc Cửu là Thái phu nhân tuổi ngoài 80, mộ Phật ở chùa, ngồi hóa thân ở trước Phật, Mạc Cửu đúc tượng hàng đồng thờ ở trong chùa, đến nay vẫn còn.

*Chùa Lũng Kì*: ở huyện Hà Châu. Lúc Mạc Cửu ở Hà Tiên, gặp quân Xiêm La xâm lược, phải chạy đến sông Lũng Kì, vợ Bùi Thị đương có mang, đêm mồng 7 tháng 3 đẻ Thiên Tứ, khúc sông chỗ Bùi Thị ở cũ ở giữa sông có ánh sáng rực rỡ, sai người tìm kiếm thì thấy hình người bằng vàng cao 7 thước, ánh sáng chiếu đầy đáy sông, sáng hôm sau nổi lên, nhưng dùng sức hàng ngàn người cũng không cất nổi, bèn lập chùa ở bờ sông để thờ.

*Chùa Địa Tạng*: ở trên núi Địa Tạng thuộc huyện Hà Châu, có tên nữa là Tiêu Tụ nay đã đổ nát, chỉ còn nền cũ.

## LĂNG MỘ

*Mộ hoàng tử triều trước*: ở thôn An Hòa đảo Phú Quốc. Hoàng tử húy là Nhật, chết non, mộ táng ở đây.

*Mộ Mạc Cửu*: ở huyện Hà Châu.

*Mộ Mạc Thiên Tứ*: ở huyện Hà Châu.

### NHÂN VẬT

*Mạc Cửu*: người Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), sau khi nhà Minh mất, Cửu không chịu cắt tóc, chạy sang phương Nam, đến ở Phương Thành, chiêu tập dân lưu tán, lập thành 7 xã thôn, gọi là Hà Tiên. Năm Hiên Tông thứ 17 (1708) đem thuộc hạ đến cửa khuyết xưng thần và xin làm trưởng ở Hà Tiên, trao cho chức tổng binh. Trở về trấn, Cửu xây thành quách dựng dinh ngũ, nhân dân tụ họp ở đây mỗi ngày một nhiều, chỗ ấy thành đô hội nhỏ. Chết tặng chức đại tướng quân tước Vũ Nghị công.

*Mạc Thiên Tứ*: con trưởng của Mạc Cửu, học rộng kinh điển, tinh thông vũ lược, làm đô đốc trấn Hà Tiên, chia đất nhà thuộc, kén chọn quân lính, dựng thành bảo, mở phố phường, khách buôn các nước đến ở mỗi ngày một đông. Thiên Tứ lại chiêu tập những người văn học các nơi, dựng Chiêu Anh các cùng nhau bàn bạc xướng họa, có bản in tập thơ *Hà Tiên thập vịnh* và tập *Minh Bật di ngư* lưu hành ở đời. Sau vì có công phá binh Chân Lạp, được phong đô đốc tướng quân. Lại hộ tống vua Chân Lạp là Nặc Tôn về nước, Nặc Tôn dâng đất để tạ ơn, Thiên Tứ tâu về triều, Thế Tông cho đem đất ấy lệ vào Hà Tiên, lập thành hai đạo Kiên Giang và Long Xuyên. Sau đó, bị quân Xiêm La vây hãm, Thiên Tứ rút đến Trấn Giang. Khi Duệ Tông chạy vào nam, Thiên Tứ đến hành tại bãi yết, được tôn phong là quốc lão đô đốc quận công. Năm

Đình Dâu, Tây Sơn đánh Long Xuyên. Thiên Tứ sang Xiêm cầu viện, bị vua nước Xiêm nghi ngờ, Thiên Tứ bèn tự sát. Đời Minh Mệnh tặng là Kiến Nghĩa chi thần. Con là Mạc Tử Sanh, có công theo đời xa giá từ đầu trung hưng; làm quan đến chức tham tướng. Chết truy tặng Trung Nghĩa chi thần.

*Dương Công Trừng*: người huyện Long Xuyên, khỏe mạnh, quả cảm, người ta gọi là «Dương gia hổ tướng». Đầu làm thống binh cai cơ, từng làm khâm sai điều khiển. Đầu đời trung hưng, ứng nghĩa đánh giặc, có công dẹp giặc Man. Sau đi đánh úp Hà Tiên thất lợi, bị quân Tây Sơn bắt, lúc gần chết, vẫn mắng chửi luôn mồm.

*Ngô Công Quý*: người huyện Long Xuyên, năm Kỉ Mùi, xa giá chạy vào Gia Định, Quý theo đời việc nghĩa, từng làm Trung Thủy dinh Chính hậu chi, khâm sai thuộc nội cai cơ, quản đạo Thanh Châu; vâng mệnh theo hầu xa giá quốc mẫu (mẹ Nguyễn Ánh), nhiều lần có công. Chết tặng chương cơ; năm Gia Long thứ 3 liệt thờ ở hai miếu Hiền trung và Trung hưng công thần.

*Trần Phúc Chất*: người huyện Long Xuyên, có công theo đi Vọng Các, từng làm khâm sai cai cơ.

*Ngô Thị Lưu*: người huyện Long Xuyên, có công theo đi Vọng Các, làm đến cai đội.

### LIỆT NỮ

*Nguyễn Thị Nương*: người thôn Tân Mĩ huyện Long Xuyên, chồng là Lí Văn Phúc. Một hôm, thi

cùng người thân thuộc nhà chồng là Trần Văn Xung đi chung một thuyền, Văn Xung muốn cưỡng gian, thị cố giữ tiết, bị Văn Xung bóp cổ chết. Năm Thiệu Trị thứ 3, được biểu dương.

### THỒ SẢN

*Lúa*: có lúa tẻ, lúa nếp, ngô đỏ.

*Đậu*: có đậu xanh, đậu vàng, đậu trắng, đậu đen, đậu phụng.

*Dưa*: có dưa chuột, dưa gang, dưa hấu, mướp, mướp đắng.

*Rau*: có củ cải, kinh giới, tử tô, hành, hẹ, tỏi, gừng, rau ngải.

*Quả*: có dứa, thạch lựu, long nhãn, đào, mận, phật thủ, chuối, cam, quít, chanh, mít, dứa, cau.

*Hoa*: có giáp trúc đào, tường vi, sen, cúc quỳ, quế, cúc vạn thọ, mào gà.

*Tre*: có tre vầu, tre gai, tre đặc ruột.

*Cỏ*: có cỏ lau, cỏ tranh, mây, song.

*Cây, gỗ*: có cây sao, cây dương, cây vông, cây trầm, giáng hương.

*Vị thuốc*: có trầm hương, sa nhân, hậu phác, sơn dược, sử quân tử, hà thủ ô, hương phụ, bán hạ, hoắc hương, tử tô.

*Hàng hóa*: có vải, lụa, mai, đồi mồi, huyền phách, sáp ong, mật ong, chiếu hoa, tóc hương, hồ tiêu, yến sào, hải sâm, bóng cá, vây cá, nước mắm.

*Chim*: có gà, vịt, ngỗng, ngan, cò, quạ, én, sẻ, bồ câu, bồ nông, hạc.

*Muông*: có voi, hổ, báo, cáo, thỏ, rái, hươu, nai, lợn rừng, hươu.

*Cá*: có hải đồn, cá thu, cá chim, cá đao, cá bè, cá ngừ, cá mực, tôm, cua, lươn, ốc, trai, hến, cá rô.

*Loài có vỏ*: có đồi mồi, rùa, vich.

## ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

### QUYỀN XXVII

#### TỈNH BIÊN HÒA

Đông tây cách nhau 228 dặm; nam bắc cách nhau 124 dặm, phía đông đến địa giới tỉnh Bình Thuận 148 dặm, phía tây đến địa giới tỉnh Gia Định 80 dặm, phía nam đến biển giáp địa giới tỉnh Gia Định 37 dặm, phía bắc đến sơn man giáp địa giới tỉnh Bình Thuận 87 dặm, phía đông nam đến địa giới tỉnh Gia Định 120 dặm, phía tây nam đến địa giới tỉnh Bình Thuận 160 dặm, phía đông bắc đến địa giới tỉnh Gia Định 37 dặm, phía tây bắc đến địa giới tỉnh Bình Thuận 110 dặm, từ tỉnh lỵ đi về phía bắc đến Kinh 1.740 dặm.

#### PHÂN DÃ

Theo thiên văn, thuộc dã phận sao Dực, sao Chẩn, tinh thứ sao Thuần Vĩ.

#### DỤNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Tỉnh Biên Hòa có lẽ là nước Bà Li xưa, sau là đất Bà Rịa và Đồng Nai (*Đường thư* chép: nước Bà

Lị ở phía đông nam nước Chiêm Thành, phía nam có nước Thù Nại, sau đời Vĩnh Huy (1) bị nước Chân Lạp kiêm tính—*Gia Định thông chí* chép: Bà Rịa ngờ là nước Bà Lị xưa, còn Thù Nại, âm gần giống Đồng Nai, có lẽ là đất Sài Gòn bây giờ). Năm Kỷ Mùi thứ 32 (1679) đời Thái Tông, bọn trấn thủ các châu Cao Lôi Liêm nước Minh cũ xin phụ thuộc, lấy đất Giản Phố (2) cho họ ở, bọn họ mở đất, lập phố, đất ấy ngày một đông đúc, có phong tục như Trung Hoa; năm Mậu Dần thứ 8 (1698) đời Hiến Tông sai chưởng cơ Nguyễn Hữu Kính lấy xứ Lộc Dã (tức Đồng Nai, người Thanh gọi là Nông Nại) đặt làm huyện Phúc Long, đặt dinh Trấn Biên (hồi đầu bản triều những đất ở biên giới gọi là « trấn », Trấn biên thuộc tỉnh Gia Định), chiêu mộ dân xiêu tán từ Quảng Bình trở vào cho đến ở, chia đặt thôn ấp; người Thanh trú ngụ cũng biên tên vào sổ hộ. Do cuộc loạn năm Giáp Ngọ, đất này bị Tây Sơn chiếm cứ, Năm Mậu Thân, Thế tổ Cao hoàng đế khôi phục Gia Định, vẫn đặt dinh như cũ, đóng trọng binh để giữ; năm Gia Long thứ 7 đổi làm trấn Biên Hòa, lệ vào thành Gia Định, thăng huyện Phúc Long làm phủ, 4 tổng (Phúc Chính, Bình An, Long Thành và Phúc An) đều thăng làm huyện; năm Minh Mệnh thứ 13 chia tỉnh hạt, gọi là tỉnh Biên Hòa); đặt tuần phủ lãnh việc bố chánh, dưới quyền tổng đốc An — Biên, và ti án sát) năm thứ 14, Lê Văn Khôi nổi loạn, tỉnh thành thất thủ, sau khôi phục; năm thứ 18 đặt thêm phủ Phước Tuy và 2 huyện Nghĩa An, Long Khánh; năm thứ 19

(1) Vĩnh : niên hiệu của Đường Cao Tông (650—655).

(2) Nhiều sách chép lộn là Đông Phố, vì chữ giản và chữ đông lộn nhau.

đặt thêm huyện Phước Bình; năm thứ 21, có 81 sách sơn man, xin phụ thuộc, đặt 4 thủ Tân Định, Tân Bình, Tân Lợi, Tân Thuận để vỗ trị; năm Tự Đức thứ 4 bỏ 2 huyện Phước Bình và Long Khánh, cho các phủ Phước Long và Phước Tuy tỉnh nhiếp; huyện Nghĩa An cho huyện Bình An tỉnh nhiếp. Nay lãnh 2 phủ 4 huyện và 3 huyện tỉnh nhiếp (1).

*Phủ Phước Long*: ở cách tỉnh thành 14 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 205 dặm, nam bắc cách nhau 134 dặm, phía đông đến sơn man 165 dặm, phía tây đến địa giới huyện Bình Giang tỉnh Gia Định 40 dặm, phía nam đến địa giới huyện Long Thành, phủ Phước Tuy 49 dặm, phía bắc đến sơn man 85 dặm. Hồi đầu bản triều đặt huyện, năm Gia Long thứ 7 thăng làm phủ, nguyên trước lãnh 4 huyện là Phước Chính, Bình An, Long Thành, Phước An; năm Minh Mệnh thứ 18 đem 2 huyện Phước An và Long Thành đổi lệ vào phủ Phước Tuy, sau đặt thêm 2 huyện Nghĩa An và Phước Bình cho lệ vào phủ. Nay lãnh 2 huyện và 2 huyện tỉnh nhiếp.

*Huyện Phước Chính*: đông tây cách nhau 35 dặm, nam bắc cách nhau 29 dặm, phía đông đến địa giới huyện Phước Bình 25 dặm, phía tây đến địa giới huyện Bình An 8 dặm, phía nam đến địa giới huyện Nghĩa An 22 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phước Bình 7 dặm. Nguyên là tổng Tân Chính, năm Gia Long thứ 7, đặt làm 2 tổng Phước Vinh và Chính Mĩ, do

---

(1) Thời Pháp thuộc tỉnh Biên Hòa chia làm ba tỉnh: Biên Hòa (phủ Phước Long cũ), Bà Rịa (phủ Phước Tuy cũ), Thủ Dầu Một (phủ Phước Long cũ).

đó gọi tên là huyện Phước Chính; năm Minh Mệnh thứ 2 chia 2 tổng làm 6 tổng; năm thứ 19, trích lấy một tổng cho lệ vào huyện Phước Bình. Nay lãnh 5 tổng, 89 xã thôn, phường và 2 bang người Thanh.

*Huyện Bình An*: ở cách phủ 30 dặm lệch về phía tây nam; đông tây cách nhau 21 dặm, nam bắc cách nhau 49 dặm, phía đông đến địa giới huyện Nghĩa An 19 dặm, phía tây đến địa giới huyện Bình Giang tỉnh Gia Định 2 dặm, phía nam đến địa giới huyện Bình Giang tỉnh Gia Định 7 dặm, phía bắc đến lâm phận huyện Phước Bình 42 dặm. Nguyên là tổng Bình An, năm Gia Long thứ 7 đặt làm huyện; năm Minh Mệnh thứ 18 lấy dân Man ở thủ An Lợi cùng 3 tổng dân Kinh huyện này chia đặt 5 tổng; năm Thiệu Trị thứ 6, lại chia tổng Bình Thổ đặt tổng Bình Lâm, nay lãnh 6 tổng, 58 xã thôn ấp, 2 bang người Thanh và 2 huyện tinh nhiếp.

*Huyện Phước Bình*: ở cách phủ 29 dặm về phía đông bắc; đông tây cách nhau 159 dặm, nam bắc cách nhau 72 dặm, phía đông đến sơn man tỉnh Bình Thuận 118 dặm, phía tây đến địa giới huyện Bình An 41 dặm, phía nam đến địa giới huyện Phước Chính 8 dặm, phía bắc đến địa giới tỉnh Bình Thuận và địa giới sách Man mới phụ 64 dặm; năm Minh Mệnh thứ 19 trích lấy 1 tổng Chính Mĩ hạ và các sách Man 3 thủ Bình Lợi, Định Quan, Phước Vĩnh chia lập 4 tổng Phước Thành, Bình Sơn, Bình Tuy, Bình Cách, đặt tên huyện hiện nay, do phủ Phú Long thống hạt; những thổ dân đều ban cho một chữ để làm họ như những chữ « Sơn », « Lâm », « Hồng », « Nhạn » hoặc « Ngưu »,

«Mã» v.v... Nay lãnh 5 tổng 60 xã thôn phường. Huyện lỵ trước ở địa phận thôn Tân Tịch, nay bỏ,

*Huyện Nghĩa An*: ở cách phủ 30 dặm về phía nam; đông tây cách nhau 20 dặm, nam bắc cách nhau 30 dặm, phía đông đến địa giới huyện Long Thành phủ Phước Tuy 11 dặm, phía tây đến địa giới huyện Bình An 9 dặm, phía nam đến địa giới huyện Bình Giang tỉnh Gia Định 17 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phước Chính 13 dặm. Nguyên là đất huyện Bình An, năm Minh Mệnh thứ 18 tách đặt thành huyện này. Nay lãnh 5 tổng 51 xã, thôn phường. Huyện lỵ trước ở địa phận thôn Linh Chiêu Tây, nay bỏ.

*Phủ Phước Tuy*: ở cách tỉnh thành 105 dặm lệch về phía nam. Đông tây cách nhau 111 dặm, nam bắc cách nhau 120 dặm, phía đông đến biển 24 dặm, phía tây đến địa giới huyện Nghĩa An phủ Phước Long 87 dặm, phía nam đến cửa biển Cần Giờ 20 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phước Bình phủ Phước Long 100 dặm; mới đặt thêm từ năm Minh Mệnh thứ 18. Nay lãnh 2 huyện và một huyện tỉnh nhiếp.

*Huyện Phước An*: đông tây cách nhau 89 dặm, nam bắc cách nhau 61 dặm, phía đông đến biển giáp địa giới huyện Tuy Định tỉnh Bình Thuận 24 dặm, phía tây đến địa giới huyện Long Thành 64 dặm, phía nam đến biển giáp địa giới huyện Phước Lộc tỉnh Gia Định 37 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Long Khánh 24 dặm. Nguyên là tổng Phước An, năm Gia Long thứ 7 đặt thành huyện, trước lệ vào phủ Phước Long, năm Minh Mệnh thứ 18 đổi lệ phủ này. Nay lãnh 4 tổng, 42 xã thôn phường ấp.

*Huyện Long Thành* : ở cách phủ 70 dặm về phía tây bắc, đông tây cách nhau 62 dặm, nam bắc cách nhau 57 dặm, phía đông đến địa giới huyện Long Khánh 37 dặm, phía tây đến địa giới huyện Nghĩa An 25 dặm; phía nam đến lâm phận huyện Phước An 23 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phước Chính phủ Phước Long 34 dặm, nguyên trước là tổng Long Thành, năm Gia Long thứ 7 mới đặt thành huyện, trước lệ vào phủ Phước Long, năm Minh Mệnh thứ 18 đổi lệ vào phủ này. Nay lãnh 4 tổng, 61 xã thôn.

*Huyện Long Khánh* : ở cách phủ 29 dặm về phía bắc; đông tây cách nhau 80 dặm, nam bắc cách nhau 88 dặm, phía đông đến địa giới huyện Tuy Định tỉnh Bình Thuận 43 dặm, phía tây đến địa giới huyện Long Thành 37 dặm, phía nam đến địa giới huyện Phước An 17 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phước Bình 71 dặm. Nguyên trước là sách Man hai thủ Long An và Phước Khánh và các sách Man tỉnh Bình Thuận ở xen; năm Minh Mệnh thứ 18, chia lập 6 tổng Long Xương, Long Cơ, An Trạch, An Viễn, Tập Phước, Khánh Nhân và đặt tên huyện hiện nay do phủ Phước Tuy thống hạt. Người thổ dân thì ban cho một chữ làm họ: như sáu chữ: «Tùng», «Lâm», «Đào», «Lý», «Dương», «Mai». Nay lãnh 6 tổng 47 xã thôn. Huyện lỵ trước ở thôn Khánh Bình, nay bỏ.

### HÌNH THẾ

Tỉnh Biên Hòa, phía đông giáp biên cả, phía tây đến sơn man, phía nam giáp tỉnh Gia Định, phía bắc giáp tỉnh Bình Thuận, dựa vào núi, trông ra sông, nắm đất man, chặn chỗ hiểm; núi cao có Chiêu Thái, Long

Ân, Thùỵ Vân ; sông lớn có Phước Long, Ngã Ba, Ngã Bảy. Núi Chiêu Thái làm tiền án của tỉnh thành, mà các núi Qui Dữ, Trấn Biên, Chứa Chan bao bọc tả hữu, trông như một lớp màn căng. Sông Phước Long là hào sâu của tỉnh, mà các sông Kí Giang, Hương Phước, Xích Lam, chi phái quanh co, trông như bàn cờ. Nơi hiểm thì có bảo Phước Thắng, pháo đài Tả Định và bảo đất Ngã Ba để khống chế nơi xung yếu. Núi sông hiểm trở, đường thủy bộ rộng bằng, sản vật đầy dẫy, xe thuyền tấp nập. Các chợ Phước Chính, Bình An, Nghĩa An, Long Thành, tụ họp người Kinh người Đờng, nhà cửa như bát úp, sản vật phương bắc phương nam không thứ gì không có, đó đều là những nơi đô hội trong tỉnh.

### KHÍ HẬU

Khí đất cao ráo, lại bị khí nóng tích lũy, trong suốt năm nóng nực quá nửa. Đến tiết đông chí, thỉnh thoảng đêm có sương mới thấy hơi lạnh. Mùa hè mùa thu nhiều gió nồm, mùa đông mùa xuân nhiều gió đông bắc, cũng có khi có gió lốc mà không có bão. Hằng năm, từ tháng mạnh đông (tháng 10) đến tháng trọng xuân (tháng 2) nóng lắm ; cuối mùa xuân mới có mưa ; mùa hè mùa thu hay có mưa trận, to như giội nước, trong một vài giờ liền tạnh, không có cái khờ mưa dầm. Sấm động hoặc chưa mưa đã nổi, hoặc mưa xuống thì sấm theo. Sấm mà không mưa, lại cũng thường thấy. Người địa phương thường xem ráng chiều để xét mưa nắng, ráng vàng thì nắng, ráng trắng thì mưa, nhiều khi cũng nghiệm ; mây từ núi ra thì phần nhiều tạnh, từ biển ra thì phần nhiều mưa. Cũng nhiều khi mây

có sắc đỏ. Làm ruộng thì ruộng sớm tháng 4 cày, tháng 5 gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 11 gặt; ruộng muộn thì tháng 5 cày, tháng 6 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 12 gặt. Nhà nông thường đêm trừ tịch trông khí sắc trời để nghiệm việc làm khó hay dễ, đêm ấy nếu trời đất tối tăm thì làm ruộng khó khăn, nếu trời đất sáng sủa thì làm ruộng thuận tiện, thường cũng ứng nghiệm. Nước thủy triều, tiết hạ chí lớn về ban ngày, tiết đông chí lớn về ban đêm; lại trong khoảng hè sang thu, thủy triều buổi sáng chưa rút, thủy triều buổi chiều đã lên, thêm vào gió đông nước trước nước sau giao nhau, nước sông đầy dẫy, đấy là sự biến đổi của thủy triều, nước không theo tiết. Việc canh tác của người thổ dân thì hằng năm tháng giêng tháng 2 đốt núi làm nương, tháng 4, tháng 5 gieo hạt, tháng 10 tháng 11 thì gặt. Đất nhiều rừng rú âm uất, nên có nhiều khí lam chướng, người không quen thủy thổ hay mắc bệnh sốt rét.

### PHONG TỤC

Kẻ sĩ chăm học, dân siêng canh cửi, thợ ở phố mà làm việc; buôn tùy đất mà sinh nhai. Tính thích múa hát, tục chuông thờ Phật. Tuần tiết trong một năm thì ngày Trừ tịch trồng nêu, ngày Nguyên đán bày thờ, ngày mồng ba thờ tổng thần, ngày mồng bảy thì khai hạ; tiết Đoan dương bày cỗ cúng tổ tiên; tết Trung thu và Trùng cửu thì vui chơi; tháng chạp tảo mộ. Các xã đều có đình, tế xuân, tế thu. Việc hôn nhân thì các nhà sĩ phu thường làm đủ nghi lễ, còn nhà tầm thường thì cũng có khi trước ở rề sau mới cưới. Việc tang tế thì có người dùng văn công gia lễ, có người

mời sư sãi làm chay. Việc vui thì mừng nhau, việc tang thì viếng nhau, dân tình trung hậu. Đất đai màu mỡ, sinh sống dễ dàng, cho nên người ta hay lười biếng. Cha con anh em, thường ở mỗi người một nơi, mong tránh binh dịch, cho là đắc sách. Còn người thờ dân thì không biết chữ, đốt rẫy làm ăn, gác sản mà ở, không nhớ ngày tháng. Khi gặt hái xong, thì hội họp ăn uống, đánh trống, đánh chiêng, cùng nhau vui thích, gọi là ngày tết.

### THÀNH TRÌ

*Thành tỉnh Biên Hòa*: chu vi 338 trượng, cao 8 thước 5 tấc, dày 1 trượng, hào rộng 4 trượng, sâu 6 thước, mở 4 cửa, dựng một kì đài; ngoài cửa qua hào đều bắc cầu đá ở địa phận thôn Tân Lâm huyện Phước Chính. Hồi bản triều mới xây dựng, li sở ở địa phận thôn Phước Lư; năm Gia Long thứ 15 dời đến chỗ hiện nay; năm Minh Mệnh thứ 15 đắp đất, năm thứ 18 xây đá ong.

*Li sở phủ Phước Long*: chu vi 30 trượng, rào gỗ, ở địa phận thôn Bình Lợi huyện Phước Chính, dựng từ đời Gia Long.

*Li sở huyện Bình An*: chu vi 30 trượng, rào gỗ, ở địa phận thôn Phú Cường, dựng từ đời Gia Long. Trước kia đặt 2 viên tri huyện và huyện thừa, nên có 2 tòa đông đường và tây đường, đời Minh Mệnh bỏ huyện thừa, dùng nhà tây đường làm nhà học của huấn đạo.

*Li sở phủ Phước Tuy*: chu vi 30 trượng, rào chông chà, ở địa phận thôn Phước Lễ huyện Phước

An. Nguyên trước li sở huyện Phước An ở địa phận thôn Long Điền, năm Minh Mệnh thứ 18 đặt phủ nha, vì ở đây có kho Hưng Đạo, bèn dời li sở đến chỗ hiện nay.

*Li sở huyện Long Thành*: chu vi 30 trượng, rào chông chà, ở địa phận xã Phúc Lộc, dựng từ đời Gia Long.

### TRƯỜNG HỌC

*Trường học tỉnh Biên Hòa*: ở địa phận thôn Tân Lâm, trước kia ở địa phận xã Tân Lại, đời Minh Mệnh dời đến chỗ hiện nay.

*Trường học phủ Phước Long*: ở phía đông li sở của phủ, dựng từ đời Minh Mệnh.

*Trường học phủ Phước Tuy*: ở phía đông bắc li sở của phủ, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 18.

### HỘ KHÀU

Đời Gia Long, số đinh có 10.600 người hơn; nay 12.190 người.

### THUẾ RUỘNG

Ruộng đất có 14.932 mẫu, ngạch thuế là 12.277 hộc thóc, 38.371 quan tiền, 2.193 lạng bạc.

### NÚI SÔNG

*Núi Long An*: ở cách huyện Phước Chính 15 dặm về phía nam, đất đá lẫn lộn, cây cối tốt tươi, hình

thể quanh co cao vót, là bình phong phía sau của Văn miếu, chân núi có đá thủy tinh.

*Núi Bảo Phong*: ở cách huyện Phước Chính 13 dặm về phía nam, phía tây, trông ra sông cái, hộ vệ phía sau cho núi Long Ân, trên núi có chùa Bảo Phong khói mây lơ lửng, cây cối um tùm, là thắng cảnh bậc nhất của tỉnh thành. Xưa có vị hòa thượng hiệu là Bảo Phong dựng chùa trên núi, nên gọi tên thế.

*Cù Lao Rùa*: ở giữa dòng sông Phước Long, cách huyện Phước Chính 13 dặm về phía nam, nước sông bao bọc trông như hình con thần qui tắm sóng, thuyền buôn tụ tập ở đấy.

*Núi Chiêu Thái*: ở cách huyện Phước Chính 21 dặm về phía nam, núi non cao xanh, làm bình phong phía nam của tỉnh thành. Hình thế chỗ cao chỗ thấp uốn éo; chạy sang phía đông đến Gò Công mới dừng. Ở khoảng giữa về phía bắc ở thôn Long Sơn huyện Long Thành, rớt ra một gò dựng đứng như tường, trên gò có am Vân Tĩnh là nơi tu hành của vãi Lượng, dấu cũ vẫn còn. Cuối núi, mạch núi rẽ ra một chi chạy về phía bắc, đến địa phận phường Long Tuy thì dừng nổi vọt thành gò cao, trên gò rộng rãi bằng phẳng, cạnh gò có nhiều hang hố, khe suối bao bọc, nhân dân làm nhà ở quanh, trên núi có chùa Hội Sơn, là nơi tu hành của thiền sư Long Khánh. Năm Bính Thân (1776), Lí Tài đạo Hòa Nghĩa chiếm cứ núi Chiêu Thái, tức là núi này. Năm Tự Đức thứ 2, liệt tên vào đền thờ.

*Núi Bạch Thạch*: ở cách huyện Phước Chính 13 dặm về phía nam, núi non vòng quanh, nước khe róc rách, thú rừng có nhiều.

*Gò Thạch Hỏa (Đá lửa)*: ở cách huyện Phước Chính 2 dặm về phía nam, đá đen thành khối, trời nắng có khi nứt vỡ ra, tia lửa tung tóe, trông như sao băng.

*Gò Đào Cương*: ở cách huyện Phước Chính 17 dặm về phía nam, tục gọi núi Lò Gốm, bậc đá gồ ghề, sông nước đầy dẫy. Trước là chỗ nung đồ gốm, nên gọi thế.

*Gò Lão Tổ*: ở cách huyện Nghĩa An 13 dặm về phía nam, gò đồng nổi lên, quanh co phẳng rộng, dài 7 dặm rưỡi, rộng 3, 4 dặm, có sông nhỏ chảy từ bắc sang nam vòng quanh ở trước. Là đất do núi Chiêu Thái rớt ra.

*Núi Chánh Hưng*: ở cách huyện Phước Bình 1 dặm về phía nam, đất sỏi thành đồi, cây cối tốt tươi; có cây lá bối.

*Núi Yến Cầm*: ở cách huyện Phước Bình 5 dặm lệch về phía tây nam; trước kia có hai người đàn bà là Thị Yến và Thị Cầm làm nhà ở đây, nên gọi tên thế.

*Núi Văn*: ở cách huyện Phước Bình 20 dặm về phía đông nam, cây cối rậm rạp; trước kia có người đàn bà là Thị Văn làm nhà ở đây, nên gọi tên thế.

*Núi Thần Qui*: ở trại sách Man Ba Ba mới phụ, cách huyện Phước Bình 31 dặm về phía đông, lại có tên là núi Thọ, tục gọi núi Ba Ba, là nơi phát nguyên của sông Phước Long; nguồn khối đá như hình con rùa đá lớn; chân tròn, đầu rùa thường ngược dòng quay về phía tây thì nước lũ tầm thường; nếu quay

mình lại thuận dòng, trông về phía đông thì năm ấy tất có lụt to; người địa phương thường nhìn đấy để nghiệm lụt lớn hay nhỏ, nên gọi tên núi như thế. Núi này là cực giới phía tây của tỉnh, mạch núi từ tổ sơn phía chính bắc kéo đến, núi non chót vót, hang động hăm sâu, chòm xóm người Man, người Lào chia nhau họp ở. Sống chính của núi sức mạnh khí lớn, ngọn Qui Sơn nổi vọt, vị trí ở về tây bắc, đỉnh nhọn cao vót; là núi Thái Tô một phương, núi non trùng điệp, hình thể chạy dài, hai bên tả hữu làm thành các núi Bào Chinh, Chứa Chan, Lai Sơn, Nục Sơn, Liên Sơn, Tiều Nghiêu, lại làm các núi Mỗi Xoài, Bà Rịa, Thùy Vân ra đến tận biển mới dừng. Phía bắc núi là địa giới thuộc man của Thuận Thành; phía nam núi là địa giới thuộc man của Biên Hòa; chỉ phía hữu quanb từ tây sang nam là núi Có, núi Bà Rá, núi Lấp Vò, gò đồng lên xuống, qua eo xuyên ruộng, bỏ xuống thành những ngọn phẳng ngọn tròn, hình dáng bất nhất, lại làm thành núi Bà Định, núi Lô Yêm đến sông cái nước Cao Mên mới dừng.

*Núi Nưa*: ở cách huyện Phước Bình 60 dặm lệch về phía bắc, sản nhiều cây trúc lồ ô, trước kia có thầy chùa dựng am ở đấy.

*Núi Xoài*: ở cách huyện Phước Bình 68 dặm lệch về phía đông bắc, cây cối um tùm, mọc nhiều dây song.

*Núi Thỏ*: ở cách huyện Phước Bình 74 dặm lệch về phía đông, sản nhiều giống thỏ. Người địa phương phần nhiều ở chân núi làm ăn, gần đấy có núi Lộ Mít.

*Núi Mô Khoa*: ở cách huyện Phước Bình 70 dặm

lệch về phía đông, hình núi cao vót, thành một khối đá, không có cỏ cây, lưng núi có động, tương truyền trước có một nhà sư đắc đạo ở đấy, sau bỗng không biết đi đâu. Thường nghe trong núi có tiếng vang, người ta cho là thần, không ai dám phạm.

*Núi Tà Mô Liên*: ở cách huyện Phước Bình 98 dặm về phía đông, người Thổ gọi «tà» tức như người Kinh gọi «thần». Núi đá đứng sừng không có cỏ cây, ai xúc phạm liền thấy báo ứng, người ta cho là thần; dưới núi có núi Đồng Bác, thổ dân ở đấy.

*Núi Trà Cú*: ở cách huyện Phước Bình 135 dặm lệch về phía đông nam, hình núi chót vót, cây cối um tùm, thổ dân ở dưới chân núi.

*Núi Tấn Biên*: ở cách huyện Phước Bình 6 dặm về phía tây bắc, tục gọi núi Mối Xoài, động núi có hươu và nai, vách núi có cây thông, suối bay mây tụ, cảnh trí vắng vẻ. Nửa núi có hang đá, sâu thẳm âm u, ít có người đến. Xưa có nhà sư tịch cốc tên là Ngô Chân làm chùa tu hành ở đây (xem mục «Tăng thích»).

*Núi Tiên Cước*: ở cách huyện Phước An 6 dặm về phía đông nam, đá đội nổi đất lên, đầu núi có một vết chân người thành ngấn trên đá, tương truyền đây là dấu vết của tiên, người ta phết màu son, nay vẫn còn.

*Núi Châu San*: ở cách huyện Phước Bình 74 dặm lệch về phía đông nam, trên núi sản nhiều trúc lồ ô, có thể dùng làm ống phun lửa.

*Núi Bà Rịa*: ở huyện Phước An 8 dặm về phía đông nam, đá núi lởm chởm, trông xuống chợ Long

Thịnh; chẵn ngang đường cái, người ta xẻ đường ở giữa núi, ngựa xe thông được, hai bờ dựng đứng như đường ống vậy. Phía bắc núi có một phiến đá rộng chừng 2 trượng, có đền Thần nữ, hành khách hay cầu đảo.

*Núi Thùy Vân* : ở cách huyện Phước An 12 dặm về phía đông nam, đứng chót vót ở bờ biển, trông như đám mây từ trên núi rủ xuống, nên gọi tên thế. Trên núi có chùa Hải Nhật, tương truyền là chỗ trông ra biển đón mặt trời ; phía bắc chân núi, cây cối um tùm, là chỗ sào huyết của lợn rừng. Dưới núi có vũng lợu, là vũng Sơn Trư (tục gọi bãi Heo), thuyền tàu thường đậu để tránh gió. Ngoài mỏm núi có ngọn Thần nữ, tục gọi mỏm Dinh Cô, có một đồng vừa cát vừa đá, trước kia có người con gái chừng 17, 18 tuổi, bị bão gạt đến đây, được người địa phương chôn cất, sau đó mộng thấy người con gái ấy, tự xưng là Thị Cách đến đây giúp đỡ, người ta cho là thần, lập đền thờ, nay vẫn còn.

*Núi Nứa* : ở cách huyện Phước An 60 dặm lệch về phía tây nam, có nhiều cây nứa, chân núi là rừng chằm, dân chài tụ tập làm nghề đánh cá.

*Núi Đất* : ở cách huyện Phước An 16 dặm về phía đông, từ đất bằng nổi vọt lên, cát đất lổm chổm, bên cạnh có sách cũ, là li sử cũ của phủ Long An.

*Núi Ghềnh Rái* : ở cách huyện Phước An 26 dặm về phía đông nam, đầu ghềnh thường có giống rái biển xuất hiện, nên gọi tên thế. Núi từ trong rừng phá phía bắc, vượt qua khe suối, nhóm hợp cát đá, vươn ra phía đông quanh lại phía tây, như hình con rồng xanh

lượn theo ven biển. Có ba ngọn núi đá đứng sừng thành hình chân vạc, như trụ biển cắm giữa biển để thuyền tàu phương Nam phương Bắc nhận rõ đường đi; ngăn cản sóng gió ào ào suốt ngày; phía đầu núi là cửa ngõ bên hữu của Ngọc tỉnh, phía cuối núi là bình phong bên ngoài cửa Cần Giờ, trong có vũng lớn gọi là Vũng Tàu, để che chở cho thuyền tàu đỗ nghỉ. Trên núi có suối nước ngọt, chân núi tụ họp dân chài, thật là chỗ cửa quan rất xung yếu. Ngoài biển có chỗ ranh giới đường nước, gọi là Giáp nước; mùa gió nồm thì Giáp nước dời về phía bắc, mùa gió bắc thì Giáp nước dời về phía nam, thuyền biển thuộc đường tránh trước thì không xảy ra tai nạn.

*Núi Kho* : ở cách huyện Phước An 27 dặm về phía đông bắc, nằm ngang đường cái, trông xuống sông Xích Lam, cây cối um tùm, chu vi 2 dặm. Đầu đời trung hưng, thống binh Hồ Văn Quý mộ người lập thành 3 đội Bình Lâm, Tân Bình và Du Sơn, đóng trại ở đây để chống nhau với quân Tây Sơn, dựng kho chứa gạo, nền cũ vẫn còn.

*Núi Thần Mẫu* : ở cách huyện Phước An 50 dặm về phía đông, tục gọi mũi Bà Khé, đứng sừng ở bãi biển, dưới núi nhiều đá ghềnh, trên núi nhiều động cát thường nổi gió mạnh sóng to, người đi thuyền phải đề phòng. Trong động có đền Thần nữ, trước đền là đường quan, hành khách nhiều khi thả gà sống hoặc treo tiền giấy để cầu thần phù hộ.

*Núi Đỏ* : ở cách huyện Phước An 6 dặm về phía bắc; là đất các xã thôn phường Long Giới, Long Lập, Long Hợp, Long Kiên, Long Xuyên, Phước Thúy,

Phước Thọ, Phước Hợp, Hợp Hòa đất màu đỏ pha vàng trồng các giống dâu, gai, ngô, khoai, đậu rất tốt. Quần áo và đồ dùng dầu trắng noãn cũng biến thành màu đỏ và vàng, dầu đèn trong rương hòm cũng thế, đó là bị khí đất nhiễm. Sách *Gia Định thông chí* dẫn *Đường thư* nói: « Phía đông nam nước Hoàn Vương có nước Xích Thổ », có lẽ là đất này.

*Núi Kí Sơn*: tục gọi núi Bà Kí, có tên nữa là núi Tóc Tiên ở cách huyện Long Thành 48 dặm về phía đông nam, đất đá lẫn lộn, nước suối ngon lành, cây rừng rậm rạp, rất nhiều chim muông, người các nơi tụ tập dựng lều làm nghề săn bắn và đốn gỗ.

*Núi Nữ Tăng*: tục gọi núi Bà Vãi ở cách huyện Long Thành 42 dặm về phía đông nam, đất đá lởm chởm, cây cối to cao, đứng ở tỉnh thành Gia Định mà trông thì thấy như hạt ngọc phổ đẹp. Mối lợi của núi dồi dào, dân nhờ để sống. Ngày trước có bà vãi là Lê Thị dựng am trên núi để ở, nên gọi tên thế.

*Núi Thiết Khâu*: tục gọi núi Lò Thồi ở cách huyện Long Thành 19 dặm về phía tây bắc, gò đồng gồ ghề, rú rừng rậm rạp, có mỏ sắt, mở lò nấu sắt kiếm được nhiều lời.

*Gò Không Tước (Gò Công)*: ở cách huyện Long Thành 19 dặm về phía tây, núi sản đá ong, dưa đậu đều tốt, là chỗ giáp giới các huyện Phước Chính, Nghĩa Chính, Mĩ An, Long Thành.

*Núi Uất Kim*: ở cách huyện Phước Long 7 dặm về phía tây, tục gọi núi Đồng Nghệ vì nhiều cây nghệ, nên gọi tên thế.

*Núi Hương Sơn*: ở cách huyện Long Khánh 21 dặm về phía đông bắc tục gọi núi Nhang, sản nhiều dây mây, thổ dân phần nhiều ở chân núi.

*Núi Làng Giuoc*: ở cách huyện Long Khánh 22 dặm, đất đá lẫn lộn, khe suối vòng quanh, cây cối um tùm, trại sách người Man ở dưới chân núi, cùng bạn với tê, tượng, cạp, beo, đối diện có núi Bào Tra.

*Núi Cầu Khánh*: ở cách huyện Long Khánh 22 dặm về phía tây, trên núi nhiều dây mây, người địa phương lấy dùng.

*Núi Nha Duãn (Măng tre)*: ở cách huyện Phước Long 37 dặm về phía đông bắc, cây cối xanh tốt, có nhiều tre, nên gọi tên thế.

*Núi Chúa Chan*: ở cách huyện Phước Khánh 56 dặm về phía bắc, thế núi chót vót, trông xuống khe Dạ Lao; chỗ giáp giới của hai huyện Long Khánh và Phước Bình có nhiều mây song gỗ lạt. Lưng núi có động đá và giếng đá. Ngày trước có vị hòa thượng là Ngô Chân dựng chùa hang ở đấy, sau khi vân du, người địa phương tưởng nhớ nhà sư đặc đạo, bèn lấy đất đá lấp kín cửa động.



*Sông Phước Long*: ở cách huyện Phước Chính 4 dặm về phía tây nam, là sông lớn của phủ, nên lấy tên phủ gọi tên sông; lại có tên là sông Hòa Quý, tục gọi sông Đồng Nai. Nguồn ra từ các sách Man mới phụ, chảy 70 dặm, hợp với sông La Nha, lại chuyển sang phía

tây, qua núi Thần Qui, bảy thác, gồm 35 dặm, lại chảy 23 dặm đến ngã ba sông Bé, chuyển sang phía đông 23 dặm vào huyện Phước Chính làm thành sông Đông Giang, lại chảy sang phía đông nam có các ngọn Vung Gấm, Rạch Lăng, Tân Định, Sa Thạch đổ vào, làm thành sông cái. Sông này nước trong và ngọt, là sông có tiếng nhất ở Nam Kỳ. Lại chảy vòng làm sông Trúc, sông Bông và sông Đồng Bản, gồm 47 dặm, giữa sông lại nổi bãi, có bãi Ngô Châu, bãi Tân Chinh, bãi Tân Trào, bãi Qui Dữ (Cù lao Rùa), lại 9 dặm, làm Rạch Cát (Sa hà) trong có bãi Đại Phố (cù lao Phố); phía nam bãi có ghềnh đá lởm chởm, nước chảy ào ào, thuyền đi phải cẩn thận; lại 10 dặm làm sông An Hòa, huyện Long Thành, 8 dặm làm cù lao Cái Tắt, 2 dặm làm sông Lá Bối (Bối Diệp), lại chuyển sang phía tây mà chảy về nam 9 dặm đến sông Thanh Thủy, 1 dặm làm sông Đồng Môn, 8 dặm làm bãi Muối; các bãi đều dân cư trù mật, giữa dòng có đá ngầm; lại 20 dặm đến ngã ba Nhà Bè, hợp với sông Tân Bình huyện Bình An, ấy là sông Phước Bình; lại chảy 25 dặm nữa thì chia nhánh vào phủ Phước Tuy làm Vung Gấm, đầm Nát, sông Ngã Bảy, dọc ngang dằng dịt như mạng nhện, cùng với sông Kí Giang huyện Long Thành và sông Hương Phước huyện Phước An hợp đổ ra biển. Dòng chính thì từ Vung Gấm chảy về đông, qua 29 dặm đổ ra cửa Cần Giờ. Thường đến tháng 8 thì có lụt, lớn nhỏ không chừng, nhưng không có nạn đuối người trôi nhà, vì là có nhiều chi phái dễ tiêu ra biển.

*Sông La Nha*: ở cách huyện Phước Bình 58 dặm về phía đông bắc, phát nguyên từ phía nam núi Chiêm Sơn tỉnh Bình Thuận, chảy qua các sách Man, tiếp với

khe Dạ Lao, núi Chứa Chan huyện Long Khánh, quanh co 16 dặm đến các xã Âu Ca, Vĩnh An, vào sông Phước Long thành ngã ba.

*Sông Đông*: ở thượng lưu sông Phước Long, cách huyện Phước Bình 18 dặm về phía đông; bờ phía đông sông có sở tuần Định Khai; đi ngược lên đầu nguồn về phía bắc 32 dặm rươi, thác đá hiểm trở, thuyền bè không đi được; từ đây trở đi là đất Cao Mên.

*Sông Bé*: ở cách huyện Phước Bình 2 dặm về phía tây bắc; phát nguyên từ hai sách Man Vũ Tam và Vũ Viên, chảy về phía đông, vòng quanh các bến thôn Loan Vũ, trường giao dịch thôn Chính Mĩ lượn sang phía đông, chuyển sang phía bắc, quanh co 214 dặm đến trạm Sa Tân làm cửa sông Bé, rồi hợp với sông Phước Long.

*Sông Trúc*: là chi lưu của sông Phước Long, cách huyện Phước Chính 3 dặm về phía tây bắc, chảy vòng phía tây bãi Tân Chính 14 dặm, lại hợp với sông cái làm ngã ba, thuyền bè thông suốt.

*Sông Bông*: ở bờ phía đông sông Phước Long, cách huyện Phúc Chính 8 dặm về phía tây nam, trên tiếp các bãi Tân Chính, Tân Trào, Ngô Châu mà chảy xuống, quăng giữa mở ra thành hồ rộng rãi trong suốt để trấn áp thượng du của cù lao Rùa, chảy vòng gồm 11 dặm, xuống hợp với sông cái làm ngã ba, sóng mây man mác, non nước tươi xinh; chợ lớn hợp ở bên sông, thuyền buôn tấp nập.

*Sông Đồng Bản*: ở cách huyện Phước Chính 13 dặm về phía tây nam, chảy vòng quanh cù lao Rùa

gồm 8 dặm rồi hợp với sông Phước Long, phía hữu có ngôi Thị Kiên từ phía bắc đổ đến.

*Sa Hà* : ở cách huyện Phước Chính 19 dặm về phía nam, tục gọi Rạch cát, lại có tên nữa là Hậu Giang, là bắc lưu của sông Phước Long, chảy vòng ôm bãi Đại Phố gồm 9 dặm, đầu phía tây nhiều chỗ cạn, khi thủy triều xuống có thể lội qua.

*Sông An Hòa* : ở cách huyện Long Thành 21 dặm về phía tây bắc, là phân lưu của sông Phước Long, ngoài cửa là sông Đồng Chân, chảy về phía bắc nửa dặm, đến chợ thôn An Hòa làm bến tre gỗ, tục gọi rạch Gỗ, chảy về phía đông bắc nửa dặm, qua cửa sông Thiết Trường, tục gọi là rạch Lò Thổi, lại chảy về phía đông 4 dặm, hợp với sông Lá Bối.

*Sông Kinh Giang* : ở cách huyện Long Thành 16 dặm về phía tây bắc, tục gọi cù lao Cái Tắt là hạ lưu của sông Phước Long; giữa sông có bãi dài 13 dặm, rộng 7 dặm, có vườn ruộng và dân cư; về phía tả bãi là sông Đông, thế sông dài rộng; phía đông sông Đông có đường thông sang ba sông Lá Bối. Thanh Thủy và Đồng Môn; ở hạ lưu về phía đông, có bãi Muối, cây cỏ um tùm, rất nhiều muối, nên gọi tên thế, dòng nước ngoằn ngoèo, vòng sang đông ngoặt sang tây, quanh co 17 dặm để ngăn cản cửa sông Mao Đăng (Rạch Tỏi); phía hữu bãi là Tây Giang, chảy 4 dặm làm ngôi Long Thịnh, chảy 20 dặm thông với sông Bình Giang làm thành ranh giới phía đông huyện Nghĩa An, là đường qua lại giữa hai tỉnh Gia Định và Biên Hòa, nhưng sông cạn hẹp, phải đợi thủy triều lên mới đi thuyền được. Lại từ đầu ngôi Long Thịnh chảy vòng

20 dặm đến cuối bãi, hợp với sông Đông gọi là sông Lan Ô, sông rộng nước sâu, nhưng vẫn đục ở các sông khác đổ đến đây thì gạn lắng hết mà thành trong trẻo; lại vì bãi lớn ngăn cản phía trên phía dưới, nên có nhiều gió lốc; lại vì có nhiều dòng nước xiết giao nhau, nên thường nổi sóng to. Dòng sông tận mạn đến cùng rồi mới đổ xuống biển; lại là cửa ngã ba Nhà Bè.

*Sông Bối Diệp (Lá Bối)*: ở hạ lưu sông Phước Long, cách huyện Long Thành 13 dặm về phía tây bắc, tục gọi rạch Lá Bôn, hai bờ sông dân cư hay lấy lá bôn dệt buồm đan đệm, bện thừng, nhờ đấy làm kế sinh nhai, nên gọi tên sông như thế; sông nhỏ mà dài, chảy ngược lên phía tây bắc 10 dặm đến cửa trên sông Nguyệt, lại 10 dặm rưỡi đến cửa trên sông Đồng Chân, lại 23 dặm đến cầu ngang đường quan; lại 10 dặm đến phân thủ Bối Diệp, lại 27 dặm đến ngã ba, chia hai nhánh đông tây; nhánh phía đông chảy vòng sang phía bắc đến nguồn cùng suối sâu vào chân núi Lang Giao, nhánh phía tây chảy chuyền sang phía bắc 24 dặm đến Hàn Dài, bị ghềnh đá chặn lấp, trên có trường giao dịch buôn bán với người Man, thuyền đi đến đấy thì dừng, còn nguồn cùng thì còn ở sâu trong núi man cao, róc rách chảy ra.

*Sông Thanh Thủy*: ở cách huyện Long Thành 11 dặm về phía tây, phát nguyên từ thượng du huyện Long Khánh, chảy qua cầu Thanh Thủy huyện Long Thành, rồi chảy về phía tây nam vào sông Phước Long, nước ngọt.

*Sông Đồng Môn*: ở cách huyện Long Thành 11

dặm về phía tây, là hạ lưu của sông Phước Long, cửa sông rộng và sâu, chảy về phía đông bắc qua phía trên sở tuần Phước Thuận, chảy sang phía tây bắc 3 dặm, hợp với khe Quán Thủ, chảy ngược lên phía đông bắc hơn 1 dặm, qua chợ Đồng Môn, đi về phía đông nửa dặm làm ngòi Chao Chao, chảy sang phía bắc 2 dặm là suối Đồng Hươu, lại sang phía đông 13 dặm rưỡi thì hợp với sông Kí Giang.

*Ngã ba Nhà Bè*: ở cách huyện Long Thành 32 dặm về phía tây nam, là chỗ giáp giới hai huyện Nghĩa An và Long Thành. Sông Phước Long nước ngọt từ bắc đến, sông Tân Bình nước lợ, từ phía nam đến, hợp lưu mà chảy về đông làm sông Phước Bình, đây là cửa ngã ba, toàn là nước mặn. Từ đây trở xuống, phía nam phía bắc có nhiều chi lưu, một dải sông cái, chảy về đông thẳng ra cửa biển Cần Giuộc. Khi bắt đầu dựng hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn, đường bộ Bình Đông chưa mở, hành khách đi lại đều đắp đò dọc. Đò đò phía bắc là bến Rạch Cát thuộc Trấn Biên, đầu đò phía nam ở cầu Độ Đầu tổng Tân Long dinh Phiên Trấn. Có thủy triều lên xuống, thuyền đi tất phải đợi lúc nước thuận dòng mới đi suốt được. Lúc ấy dân cư thưa thớt lại xa xôi. Đò xa thuyền nhỏ, hành khách thường khờ sở về hiếu ăn uống. Có người nhà giàu ở tổng Tân Chính là Võ Hữu Hoảng bó tre làm bè ở ngã ba, trên bè dựng nhà, sắm đủ các đồ dùng nấu nướng, để hành khách tự ý lấy dùng, không phải trả tiền. Sau đó, người buôn bán cũng đóng bè, bán thức ăn, nhiều đến hai ba chục bè, hợp thành chợ sông, vì thế chỗ này gọi là «Nhà bè». Về sau đường thủy đường bộ

đi lại người ta đều dùng thuyền riêng, dò dọc bị bỏ, đến nay vẫn không có nữa.

*Sông Bình Giang*: ở cách huyện Vĩnh An 16 dặm về phía tây bắc, phân địa giới với tỉnh Gia Định, trên tiếp sông Băng Bọt, hợp với sông Thanh Lưu tỉnh Gia Định mà chảy vào ngã ba theo phía đông nam chảy 23 dặm làm ngòi Thị Lũ, lại chảy 20 dặm đến huyện Nghĩa An làm ngòi Gò Chè, lại chảy 17 dặm làm sông Thủ Đức. Từ đấy chảy xuống phía đông gồm 34 dặm, đến cửa sông Nhà Bè huyện Long Thành, hợp với sông Phước Long mà đổ ra biển.

*Sông Băng Bọt*: ở thượng lưu sông Bình Giang cách huyện Bình An 62 dặm về phía tây bắc, phát nguyên từ lâm phận Cam Xa, nước các khe chằm giao hội với nhau, chảy ngoặt sang phía đông, nước ngọt đầy dẫy, quanh co gồm 40 dặm, hợp với sông Thanh Lưu tỉnh Gia Định làm ngã ba sông Tân Bình, mà chất nước chuyển thành lợ.

*Sông Thủ Đức*: ở cách huyện Nghĩa An 5 dặm về phía nam, thuyền buôn thường đi từ sông Bình Giang đến họp chợ ở Thủ Đức (tức chợ Linh Chiểu Đông).

*Sông Kí Giang*: ở cách huyện Long Thành 17 dặm về phía đông nam, phát nguyên từ khe lớn ở cạnh hai núi Long Giao và Bào Tra chảy xuống, trong quãng này có một nhánh chảy chuyển sang phía tây 17 dặm, đến suối Đồng Hươu, còn nhánh phía đông thì chảy 10 dặm đến sông Tứ Thủy, lại chảy 5 dặm tiếp với ngòi Hương Lí, 7 dặm tiếp với ngòi Nữ Tăng, lại 16 dặm thì hợp với chi lưu của sông Ngã Bảy thông với sông Hương Phước.

*Sông Hương Phước*: ở cách huyện Phước An 7 dặm về phía tây nam, có tên nữa là sông Phước, chảy ngược lên phía đông rồi ngoặt sang phía bắc qua hai khe Châu Khê và Giao Kiều, lại qua khe Sâu giáp địa phận huyện Long Thành đến sông Xoài huyện Long Khánh thì dừng, quanh co gồm 37 dặm; về phía nam chừng 4 dặm là cửa sông cái Hương Phước, hợp lưu với các sông Hương Áo, Ngã Bảy và Kí Giang, đồ ra các cửa biển Long Hưng và Cần Giờ rất thuận tiện cho thuyền đi lại. Xét sách *Gia Định thông chí* chép rằng: sông Hương Phước tức sông Mối Xoài là chỗ dân hai thôn Long Hưng và Phúc Lễ chung nhau chịu lính trạm.

*Sông Xoài*: ở cách huyện Long Khánh 23 dặm về phía tây bắc, phát nguyên từ thôn Cụ Bị, tiếp khe Long Cơ mà chảy xuống, quanh co gồm 37 dặm, hợp với sông Hương Phước.

*Vũng Dương (Dương Áo)*: ở cách huyện Phước An 2 dặm về phía tây nam hợp với sông Hương Phước, chảy xuống phía nam 24 dặm, chảy đến cửa lạch Long Hưng, nước mặn, mênh mông đều là ruộng muối, dân địa phương phần nhiều sống về nghề phơi muối.

*Sông Thất Kì*: ở phía đông sông Phước Bình, cách huyện Phước An 37 dặm về phía tây bắc, tục gọi sông Ngã Bảy, phía nam có ngã ba, phía bắc có ngã tư, nên hợp lại gọi là Ngã Bảy. Nhưng chỗ ngã ba, ngã tư các nhánh rất nhiều, không thể dùng tên Ngã Bảy mà chỉ được. Xét sông này chi phái dằng dịt, quán xuyên với nhau, nên gọi tên là «sông hỗn đồng, không cần câu nệ là «Ngã Bảy».

*Sông Xích Lam*: ở cách huyện Phước An 31 dặm

về phía đông, đoạn giữa qua sông có cầu dài 70 trượng 5 thước là chỗ đường bộ đi qua: ở hạ lưu cầu, sông chảy ngoặt sang phía nam 3 dặm, làm hải cảng Xích Lam, thủy triều lên thì rộng 33 trượng rưỡi, sâu 6 thước, ngược lên phía tây 28 dặm rưỡi, đến cầu Thạch Than, thác đá lởm chởm, thuyền rất khó đi, lại ngược dòng ngoằn ngoèo 30 dặm đến sông Lai, lại chuyển sang phía đông 92 dặm rưỡi đến đoạn khe dưới Dạ Lạp, giáp địa hạt huyện Long Khánh, lại chảy sang phía tây bắc 46 dặm đến khe trên Dạ Lạp là địa hạt huyện Long Thành. Ở đây núi rừng rậm rạp, người Kinh, người Thổ chia nhau ở, đều thành làng xóm. Ở bờ phía đông trước kia bị úng hủy, không tiện cho việc nông, năm Minh Mệnh thứ 19 mới khơi cho nước úng theo sông mà tiêu, khẩn được hơn 300 mẫu ruộng hoang làm ruộng công cho các xã thôn phụ cận.

*Sông Lai*: ở cách huyện Phước Khánh 58 dặm về phía đông bắc, phát nguyên từ trong xã Bảo Chính, tiếp với nước khe Thề, chảy về phía đông vào sông Xích Lam, nhưng nhiều thác đá, thuyền không đi được; khi mưa lũ thì nước nhiều, có thể uống được. Xét khe Thề, phàm dân địa phương gặp việc gì khó biện phải trái, thì đem nhau ra đứng ở đầu khe mà thề, liền có ứng nghiệm, nên gọi tên thế.

*Sông Dã Ôi*: ở cách huyện Long Khánh 17 dặm về phía đông bắc, thông với sông Phù Mi tỉnh Bình Thuận, giữa dòng có đá dựng, thuyền phông đi qua được, nước sông hơi ngọt.

*Rạch Thị Lũ*: ở cách huyện Bình An 3 dặm về

phía nam, nước chảy ra sông Bình Giang, trên thông với Rạch Vũng, thuyền có thể đi được.

*Rạch Gò Chè* : ở cách huyện Nghĩa An 10 dặm về phía tây bắc, là chỗ chia thủy giới giữa hai huyện Bình An và Nghĩa An, có thể đi thuyền được.

*Đầm Gấm* : ở cách huyện Phước An 68 dặm về phía tây bắc, tục gọi Vũng Gấm, nay đổi thuộc tỉnh Gia Định, gọi là đầm Gia Cẩm, nước từ sông Phước Bình chảy đến, sông sâu rộng các dòng tụ họp, ánh mặt trời chiếu vào, trông sáng rực rỡ, nên gọi là « gấm ». Sông nhiều cá sấu, thường ăn thịt người, hành khách lấy làm sợ, cho nên ngạn ngữ có câu « ác như cá sấu vũng Gấm ».

*Đầm Nát* : ở cách huyện Vĩnh An 52 dặm về phía tây bắc, tục gọi đầm Nát, tiếp vũng Gấm mà đến. Các dòng nước chảy ngang chảy dọc, bãi bờ trùng điệp, thêm vào rừng rú phức tạp, thuyền đi chọt cạy, chọt bát, đến nổi lạc lối, bốn mặt lại không có dân cư, thuyền đi một mình thường thấy làm ngại, tất phải đợi nhiều thuyền tụ họp, bấy giờ mới cùng đi. Xưa nhiều trộm cướp ăn núp, năm Gia Long thứ 12, chia đặt trạm sông, từ đấy mới yên, dân địa phương được nhờ.

*Vũng Tàu (Thuyền áo)* : ở dương phận thủ Phước Thắng, cách huyện Phước An 31 dặm về phía tây nam. Một lưỡi đất nhô ra, càng ra càng lớn, phía bắc ôm giếng Ngọc, phía nam giữ ghềnh Rái, để che chở cửa biển Cần Giờ; mặt vũng mênh mông rộng lớn, chứa đựng các dòng nước nhỏ các sông đầm về biển, lại là chỗ yên ổn cho tàu thuyền.

*Hồ Hải Động*: ở cách huyện Phước An 29 dặm về phía đông, tục gọi hồ Lam, động cát liên tiếp, cây cối um tùm; một vũng nước lớn thành hồ, nước trong ngọt bát ngát đầy dẫy, nhân dân được nhờ.

*Ao Trúc Phương*: tục gọi ao vuông, ở phía nam lũy Phước Tứ, cách huyện Phước An 3 dặm về phía đông bắc; ao rộng 15 thước, nước trong đầy dẫy, có thể dùng uống được. Bản triều đầu đời trung hưng, quan quân đóng đồn ở đây, để chặn đường giặc Tây Sơn, đê đắp nay vẫn còn. Về phía bắc có ao Dục tượng (tắm voi).

*Rừng chăm*: ở cách huyện Phước An 70 dặm về phía tây bắc, từ ngã ba Nhà Bè xuống phía đông qua nhiều bờ bãi, đến cửa Cần Giờ gồm 54 dặm, xuống phía bắc, qua nhiều bờ bãi, đến Ngọc Tỉnh, gồm 113 dặm, lên phía tây, cũng xen nhiều bờ bãi, đến sông Kí Giang gồm 22 dặm, đều là rừng chăm, đầy dẫy cây cối cá tôm, người sở tại tha hồ lấy dùng không xuể, làm lợi lớn trong một phương.

## CÒ TÍCH

*Thành cũ Tân Lân*: Tân Lân tức là Bàn Lân xưa, ở lỵ sở tỉnh; dấu vết vẫn còn; có thuyết nói do người Chân Lạp xây.

*Lũy cũ Phước Tứ*: ở phía đông trạm Biên Phước thuộc địa phận huyện Phước An, nằm ngang đường cái. Xưa người Cao Mên là Bô Tâm đắp lũy đất ở địa đầu Hưng Phước, trồng tre gai, thế rất kiên cố. Năm Giáp Dần, Thái Tông thứ 27 (1674) sai bọn

Nguyễn Dương Lâm và Nguyễn Diên đem quân đánh. Diên đến trước, nhân lúc không phòng bị, tiến quân chiếm cứ lấy lũy; cách mấy hôm sau, quân Man 4 mặt họp lại, đánh vây rất hăng, Diên cố giữ không đánh. Dương Lâm kể đến hợp lực cùng đánh, quân Man vỡ tan, nhân đấy gọi lũy ấy là lũy Phước Tứ, các đời vẫn theo như thế, lấy làm chỗ đóng đồn trọng yếu của đạo Hưng Phước, bờ tre và nền cũ nay hãy còn có thể nhận được dấu vết.

*Đồn cũ Phước Giang*: ở bên cạnh li sở huyện Phước An. Bản triều đầu đời trung hưng, đắp làm đồn vuông, chung quanh đắp đê đất dài 50 trượng, mặt trông ra đường quan, để đóng giữ địa đầu, nền cũ vẫn còn.

*Lũy cũ Đồng Môn*: ở huyện Long Thành. Năm Mậu Ngọ (1798) đầu đời trung hưng đắp năm bảo, bốn ở phía bắc, một ở phía nam, theo thế răng chó giữ nhau, để phòng quân Tây Sơn lấn vào, xung quanh trồng tre, dày đặc tươi tốt. Năm Gia Long thứ 10, các lũy Đồng Môn, Trảo Trảo và Kí Giang, các bụi tre đều sinh quả rồi chết, sau đều mọc lại. Xét *Hoa Phả* nói: Giống tre cứ đủ 60 năm thì một lần đời gốc, tất kết quả rồi khô chết, quả rụng xuống đất lại mọc cây, 6 năm lại thành bụi, lời ấy có lẽ đúng.

*Lũy cũ Trảo Trảo*: ở huyện Long Thành. Năm Canh Tuất (1790) đầu đời trung hưng, đắp thành lũy, đóng tàu thuyền, phàm những nơi hiểm yếu trên đường bộ, tất năm chặn trước, do đấy mới đắp lũy đất ở bờ sông này, dài chừng 3 dặm chặn ngang đường cái, nay vẫn còn.

*Lũy cũ Kí Giang*: ở bờ phía tây sông Kí Giang thuộc địa phận huyện Long Thành là chỗ đóng quân chống giặc của tiết chế cũ Nguyễn Văn Tuấn. Đắp năm Nhâm Tí (1792) đầu đời trung hưng, từ bờ phía tây sông ngang qua đường cái, theo ven sông sang phía bắc, dài 20 dặm rưỡi, lấy sông làm hào, chiếm giữ nơi hiểm yếu, nền cũ vẫn còn.

*Lũy cũ Trúc Giang*: ở thượng lưu sông Trúc Giang thuộc địa phận huyện Phước Chính, hồi mới khai thác, đắp chống người Man, nền cũ vẫn còn.

*Lũy cũ Đông Giang*: ở phía nam sông Phước Long, thuộc địa phận huyện Phước Chính, ngược dòng sông 4 dặm rưỡi về phía đông nam. Hồi bắt đầu khai thác, trồng tre gai để chống người Man, sau tre mọc thành rừng, dày đặc um tùm liên tiếp đến 10 dặm, nay vẫn còn xanh tốt.

*Lũy cũ Tân Ba*: ở địa phận huyện Phước Chính. Khoảng năm Tân Mão (1771) đời Duệ Tông, viên thống súy Gia Định là Nguyễn Đàm đắp lũy đất để chặn cửa sơn man Băng Bọt, nền cũ nay còn.

*Phố lớn Nông Nại*: ở phía tây cù lao Phố thuộc địa phận huyện Phước Chính, hồi bắt đầu khai thác, Trần Thượng Xuyên chiêu tập người huân Trung Quốc, xây dựng phố xá, nhà ngói tường vôi, lầu cao quán lớn liên tiếp 5 dặm, mở ba đường phố: đường phố lớn xây lát đá trắng, đường phố ngang lát đá ong, đường phố nhỏ lát gạch xanh, đường xá bằng phẳng, khách buôn tụ họp, tàu biển thuyền sông đậu xen san sát, thực là một đô hội lớn. Các nhà buôn giàu lớn chỉ ở đây là

nhiều. Năm Bính Thân giặc Tây Sơn vào cướp, dỡ lấy hết nhà cửa, gạch đá của cái, chở về Qui Nhơn, từ đời trung hưng tuy người ta có trở về, nhưng trăm phần chưa được một.

### CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Bảo Phước Thăng*: ở núi Trâu nằm (Ngoạ ngu) của ghềnh Rái, cách huyện Phước An 29 dặm về phía tây nam, năm Minh Mệnh thứ 20, xây theo hình vòng nguyệt, chu vi 44 trượng 8 thước, cao 6 thước 3 tấc, mở một cửa gọi là pháo đài, năm Thiệu Trị thứ 2 đời làm bảo, năm giữ nơi hiểm, giữ vững biên cương. Có đặt thủ sở, đời Gia Long lấy cơ bờ phía bắc có Vững Tàu, là chỗ tàu thuyền đi lại đậu lấy củi nước, cho nên nay vẫn theo thế, có một thủ ngữ và một thừa biện trước gọi là thủ Vững Tàu, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay. Năm Mậu Thân (1788), đầu đời trung hưng có đặt đài phong hỏa, nay bỏ.

*Pháo đài Tả Định*: ở bờ phía đông sông Bình Giang, cách huyện Nghĩa An 16 dặm về phía nam, chu vi 207 trượng 6 thước, cao 5 thước, mở một cửa, 4 pháo đài, đối diện với pháo đài Hữu Bình tỉnh Gia Định, đắp từ năm Kỷ Dậu (1789) đầu trung hưng gọi là đồn Dốc Ngự, lại gọi là đồn Giao Khẩu, năm Minh Mệnh thứ 15 đặt đại bác và đổi tên hiện nay, năm Thiệu Trị thứ 2 đắp thêm núi đất và lập xưởng pháo.

*Bảo đất Ngã Ba*: ở cách huyện Bình An chừng 10 dặm về phía đông, chu vi 80 trượng, cao 7 thước 2 tấc đặt từ năm Tự Đức thứ 1.

*Bảo Thị Tinh*: ở cách huyện Bình An 51 dặm về

phía tây bắc, đặt từ năm Minh Mệnh thứ 4 để trấn áp người Man, năm thứ 21, lại đặt thêm đồn phía hữu ở khe Rái gọi là đồn Chân Thành.

*Tấn Long Hưng*: ở phía bắc thủ Phước Thắng, cách huyện Phước An 14 dặm về phía nam, có một viên thủ ngữ và một viên thừa biện để đi tuần ngoài biển, trước gọi là tấn Tác Khái, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay.

*Cửa quan Phước Châu*: ở cách huyện Long Thành 17 dặm về phía tây bắc, đặt năm Minh Mệnh thứ 17 để đánh thuế buôn, năm Thiệu Trị thứ 3 bỏ.

*Cửa quan Phước Lễ*: ở cách huyện Phước An 56 dặm về phía tây bắc, đặt năm Minh Mệnh thứ 17, để đánh thuế buôn, năm Tự Đức thứ 1 bỏ.

*Thủ Phước Bảo*: trước gọi là thủ sông Nậu, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay.

*Thủ Long An*: trước gọi là thủ Hưng Phước, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay.

*Thủ Phước Khánh*: trước gọi là thủ Long Giao, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay.

*Tuần An Lợi*: ở cách huyện Bình An 2 dặm về phía bắc, đặt từ đời Gia Long, để đánh thuế thuyền bè đi lại, trước gọi là thủ Băng Bọt, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay.

*Tuần Định Quan*: ở cách huyện Phước Chính 19 dặm về phía đông, đặt từ đời Gia Long, để đánh thuế đường thủy, trước gọi là thủ Ba Can, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay, nay bỏ.

*Tuần Bình Lợi* : ở cách huyện Long Thành 4 dặm về phía tây nam, tục gọi thủ Đồng Xứ; đánh thuế đường bộ, lại có tên nữa là thủ Đường Sứ, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay.

*Tuần Phước Thuận* : ở cách huyện Long Thành 4 dặm về phía tây nam, đặt từ đời Gia Long để đánh thuế cả đường thủy và đường bộ, trước gọi là đạo Đồng Môn, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay.

*Tuần Phước Vĩnh* : ở cách huyện Long Thành 22 dặm về phía tây bắc, chuyên đánh thuế đường bộ, trước gọi là nguồn Lá Bôn, năm Minh Mệnh thứ 5 đổi tên hiện nay.

*Thủ Tân Định* : ở thôn Xuân Nha, cách huyện Phước Bình 96 dặm về phía tây bắc, có 17 sách thuộc Man, dân đinh Man có 78 người, năm Minh Mệnh thứ 21, đặt một viên thủ ngữ và một viên thuộc lại để thu thuế người Man.

*Thủ Tân Lợi* : ở sách Vū Qua, thượng lưu sông La Nha, cách huyện Phước Bình 64 dặm về phía đông bắc, có 16 sách thuộc Man, dân đinh Man có 101 người, tục gọi man Đồng Nhai, đặt năm Minh Mệnh thứ 20 để thu thuế người Man.

*Thủ Tân Bình* : ở thôn Sơn Dục, cách huyện Phước Bình 116 dặm về phía tây bắc, phía tả giáp thủ Tân Thuận, phía hữu giáp thủ Tân Định, có 28 sách thuộc Man, dân đinh Man có 140 người; từ sách Man đi đến thủ sở có chỗ phải đi đến hơn một tuần, mới đặt từ năm Thiệu Trị thứ 1.

*Thủ Tân Thuận* : ở thôn Viêm Quang, cách huyện

Phước Bình 60 dặm về phía tây bắc ; có 20 sách thuộc Man, dân đình Man có 90 người, phía tả đến thủ Tân Lợi, phía hữu đến thủ Tân Bình ; mới đặt từ năm Thiệu Trị thứ 3.

Người Man hình dáng đen, mặc vải hoa vàng, búi tóc, lỗ tai rộng chừng một tấc, râu bằng trúc gỗ, quần lưng bằng miếng vải, không có áo quần, ở nơi xa lánh, trước kia chưa quy phục. Khoảng đời Minh Mệnh Thiệu Trị, tiết thứ sai người am hiểu tiếng Man, chia nhau đi chiêu dụ, từ đấy họ mới cùng nhau , được liệt vào sổ đình, bèn đặt phủ sở để ràng buộc mà đánh thuế.

### NHÀ TRẠM

*Trạm Thuận Biên* : ở chỗ giáp giới hai tỉnh Bình Thuận và Biên Hòa, phía nam đến trạm Biên Thịnh 30 dặm linh. Lệ đặt lính trạm mỗi tỉnh 30 người, chia 3 ban, mỗi ban 20 người—*Xét* : Đầu đời Gia Long đặt 4 trạm, là Thuận Biên, Xích Lam, Mỗi Xoài và Nhà Bè, năm Minh Mệnh thứ 3 đổi thành 5 trạm là Thuận Biên, Biên Thịnh, Biên Long, Biên Phước, Biên Lễ, năm Thiệu Trị thứ 1 đặt thêm một trạm phụ là Biên Lộc.

*Trạm Biên Thịnh* : ở thôn Tân An huyện Phước An, phía nam đến trạm Biên Long 20 dặm linh.

*Trạm sông Biên Long* : ở thôn Long Hương huyện Phước An, phía nam đến trạm sông Biên Phước 19 dặm linh.

*Trạm sông Biên Phước* : ở sông Nhà Bè huyện

Phước An, phía nam đến trạm sông Biên Lễ 20 dặm linh.

*Trạm sông Biên Lễ*: ở thôn Phước Lễ huyện Phước An, phía nam đến trạm sông Gia Cầm 29 dặm.

Phụ: *Trạm sông Biên Lộc*: ở thôn Trường Lộc huyện Long Thành, từ trạm này đến tỉnh thành Biên Hòa 20 dặm, năm Thiệu Trị thứ 1, vì cứ từ trạm sông Biên Lễ đến tỉnh thành đường thủy khá xa nên đặt thêm.

### CHỢ VÀ QUÁN

*Chợ Lộc Dã*: ở phía nam hạ lưu sông Phước Long huyện Phước Chính, vì trước kia là đồng nội lắm hươu nai, nên gọi tên thế, hoặc gọi là Lộc Động, tục gọi chợ Đồng Nai—*Xét*: sáu tỉnh Gia Định mà gọi chung là Đồng Nai, là vì lúc mới khai thác, bắt đầu từ Đồng Nai, nên lấy chỗ gốc mà bao trùm.

*Chợ Bình Thảo*: ở thôn Bình Thảo huyện Phước Chính, có tên nữa là chợ Ngự Tân, người buôn tấp nập, đường thủy đường bộ giao thông, hàng ngoài và thổ sản, giang vị sơn hào không thiếu thức gì, là một chợ lớn ở miền núi.

*Chợ Tân Uyên*: ở địa phận xã Tân An huyện Phước Chính, tục gọi chợ Đồng Sứ, buôn bán tấp nập, có sở tuần Bình Lợi ở đây.

*Chợ Tân Ba*: ở thôn Tân Ba huyện Phước Chính, tục gọi chợ Đồng Bản.

*Chợ Bình Long*: ở thôn Bình Long huyện Phước

Chính, tục gọi chợ Lò Giấy. Quân Tây Sơn vào cướp, đóng đồn ở đấy, nên lại có tên là chợ Đồn, quán xá đông đúc. Xưa quân Đông Sơn đánh nhau với quân Nghĩa Hòa ở đấy.

*Chợ Tân Lâm:* ở thôn Tân Lâm huyện Phước Chính, tục gọi chợ Bàn Lâm; quán xá trù mật, xưa Trần Thượng Xuyên đóng đồn ở Bàn Lâm, tức là đây.

*Chợ Phú Cường:* ở thôn Phú Cường huyện Bình An, tục gọi chợ Dầu một, ở bên cạnh huyện lỵ, xe thuyền tập nập.

*Chợ Bình Nhan Thượng:* ở thôn Bình Nhan Thượng huyện Bình An, tục gọi chợ Cây Me.

*Chợ Linh Chiêu Đông:* ở thôn Linh Chiêu Đông, bên cạnh huyện lỵ Nghĩa An, tục gọi chợ Thủ Đức, phố xá thành hàng thành dãy, là một chợ lớn trong huyện.

*Chợ Giai Quý:* ở thôn Giai Quý huyện Nghĩa An tục gọi chợ Thủ Thiêm, trông ra sông Bình Giang, nhìn sang trước tỉnh Gia Định, tàu biển thuyền sông tập nập, dân sở tại làm nghề chở đò ngang đò dọc và theo dòng nước đem bán thực phẩm, như cá thịt rau quả...

*Quán Bình Thọ:* ở địa phận thôn Bình Thọ huyện Nghĩa An, tục gọi quán Bình Đông, trước có nhà trạm, nay bỏ. Quán ở ven núi, chợ họp buổi trưa, hành khách đi lại nghỉ ngơi thuận tiện. Đi về phía nam chừng 1 dặm đến bến đò tức là sông Bình Giang.

*Quán Bình Đán:* ở huyện Nghĩa An, chợ quán bé nhỏ, có bán đồ điểm tâm, tục gọi chợ Quán Mít.

*Chợ Tân Tịch:* ở thôn Tân Tịch, bên cạnh huyện

lị Phước Bình, tục gọi chợ Cây Da, đường thủy đường bộ đều tiện.

*Chợ Long Thịnh*: ở thôn Long Thịnh huyện Phước An, tục gọi chợ Đò, quán xá liền nhau, đường thủy đường bộ đều tiện.

*Chợ Hắc Lãng*: ở thôn Hắc Lãng huyện Phước An, gần chợ có núi Bà Rịa, nên lại có tên là chợ Bà Rịa.

*Chợ Phước Lộc*: ở thôn Phước Lộc, huyện Long Thành, tục gọi chợ Đồng Môn, nguyên trước là do đạo Phước Thuận đặt để tụ họp người Man đến nộp thuế.

*Chợ An Hòa*: ở thôn An Hòa huyện Long Thành là bến gỗ lạt.

*Chợ Phước Thành*: ở thôn Phước Thành, huyện Long Thành, buôn bán tấp nập, cả địa phương được nhờ.

*Chợ Thiết Tượng*: ở thôn Thiết Tượng huyện Long Thành, có tên nữa là chợ Lò Sắt.

*Chỗ chữa thuyền*: ở bờ ngã ba sông Nhà Bè thuộc huyện Phước Long, tục gọi phường Thương Đà, trước kia tàu thuyền ở phương Bắc đến buôn bán, phàm thuyền bị nát, bị rò phải sửa chữa hoặc đóng thuyền mới, tất do chỗ này, người ta tụ họp thành thôn xóm. Từ lúc Tây Sơn làm loạn, nhân dân xiêu tán, nay thành hoang rậm:

## CẦU VÀ ĐÒ

*Cầu đá cũ*: ở huyện Phước Chính, phía tây bắc

tỉnh thành, cầu xây bằng đá ong, bắc qua trên ruộng, có ba cửa trống, dài 25 trượng, do viên cai đội cơ Trung Bộ thuộc trấn là Lê Văn Hòa bắc từ đời Thế Tông (1739 -- 1764) bản triều.

*Cầu Ván*: ở trước tỉnh thành, thuộc địa phận huyện Phước Chính, dài 5 thước 7 tấc, rộng 7 thước.

*Cầu Vạc*: ở huyện Phước Chính, dài 3 trượng 8 thước, ngang một trượng 2 thước, năm Gia Long thứ 10 dân trong hạt tự bắc riêng, nay vẫn còn.

*Cầu Tân Bản*: ở thượng lưu khe Lộ thuộc huyện Bình An, tục gọi cầu Quan. Năm Bính Thân, quân Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhân, đánh nhau với quân Nghĩa Hòa của Lí Tài, Lí Tài giả thua, phục binh ở cầu Tân Bản, đánh giết quân Đông Sơn rất nhiều, tức là cầu này.

*Cầu Mĩ Hòa*: ở huyện Nghĩa An, dài 3 trượng, ngang 7 thước, năm Gia Long thứ 9 dân trong hạt tự bắc riêng, nay vẫn còn.

*Cầu Khe Cạn*: ở huyện Nghĩa An, dài 2 trượng, ngang 7 thước, năm Gia Long thứ 9, dân trong hạt tự bắc riêng, nay vẫn còn.

*Cầu Long Xuyên*: ở huyện Phước An, dài 26 trượng 5 thước, ngang 4 thước 5 tấc; năm Gia Long thứ 17, dân trong hạt tự bắc riêng, nay vẫn còn.

*Cầu Hương Giang*: ở huyện Phước An, dài 5 trượng 2 thước, ngang 1 trượng; năm Minh Mệnh thứ 6 dân trong hạt tự bắc riêng, nay vẫn còn.

*Cầu Phước Khê*: ở huyện Phước An, dài 2 trượng

6 thước, ngang 7 thước 5 tấc, năm Minh Mệnh thứ 6, dân trong hạt tự bắc riêng, nay vẫn còn.

*Cầu Tham Lương*: ở huyện Phước An, dài 2 trượng 5 thước, ngang 7 thước 5 tấc. Năm Gia Long thứ 17, dân trong hạt tự bắc riêng, nay vẫn còn.

*Cầu Hươu*: ở huyện Long Thành, dài 2 trượng 8 thước, ngang 1 trượng, tục gọi cầu ngang Đồng Hươu.

*Cầu Quán Thủ*: ở huyện Long Thành, dài 5 trượng 7 thước, ngang 1 trượng 2 thước.

*Cầu Thanh Thủy*: ở huyện Long Thành, dài 4 trượng 5 thước 6 tấc, ngang 1 trượng 2 thước.

*Cầu Phượng*: ở địa phận huyện Long Thành, dài 2 trượng 7 thước, ngang 2 trượng 2 thước.

*Cầu Chùa*: ở huyện Long Thành, dài 2 trượng, ngang 1 trượng.

*Cầu Hồn Thủy*: ở địa phận huyện Tong Thành, dài 5 trượng 3 thước, ngang 1 trượng.

*Cầu Phúc Lạc*: ở huyện Long Thành, dài 5 trượng 2 thước, ngang 1 trượng.

*Cầu Phước Vinh*: ở địa phận huyện Long Thành, dài 7 trượng 3 thước, ngang 1 trượng 2 thước.

*Đò Tân Hóa*: ở địa phận huyện Phước Chính, giáp đường quan, thuộc giang phận huyện Phúc Long.

*Đò Bình Thọ*: ở địa phận huyện Nghĩa An, giáp đường quan, thông với tỉnh Gia Định.

### ĐÈN MIẾU

*Đàn Xā Tắc*: ở phía tây tỉnh thành, thuộc địa phận thôn Bình Thành huyện Phước Chính, thờ thần Xā tắc bản tỉnh, dựng năm Minh Mệnh thứ 13, hàng năm tế vào ngày mậu tháng hai trọng xuân trọng thu. Qui chế đàn cũng như đàn Xā Tắc tỉnh Gia Định.

*Đàn Tiên Nông*: ở phía đông tỉnh thành, thuộc địa phận phường Bình Trúc huyện Phước Chính, thờ thần Tiên nông, dựng năm Minh Mệnh thứ 13, kho thóc và ruộng tịch điền ở phía bên tả. Qui chế đàn cũng như đàn Tiên Nông tỉnh Gia Định.

*Đàn Sơn Xuyên*: chưa dựng.

*Văn Miếu*: ở địa phận thôn Tân Lại huyện Phước Chính, cách tỉnh thành 2 dặm về phía tây bắc. Năm Ất Mùi, Hiến Tông thứ 25 (1715), trấn thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Phan Long và viên kí lục là Phạm Khánh Đức tìm đất để dựng, phía nam trông ra sông Phước Giang, phía bắc dựa vào núi Long Sơn, là một cảnh đẹp nhất ở Trấn Biên; năm Giáp Dần (1794) đời Thế Tổ Cao hoàng đế, Lễ bộ Nguyễn Đô phụng mệnh tu bổ, ở giữa dựng Văn Miếu, biển ngạch khắc chữ «Đại thành điện», phía tây dựng đền Khải Thánh, biển ngạch khắc chữ «Khải Thánh điện»; phía đông là nhà kho; xung quanh xây tường gạch, phía tả là cửa Kim Thanh, phía hữu là cửa Ngọc Chấn, phía trước là cửa Đại Thành, giữa sân dựng các Khuê Văn, biển ngạch khắc chữ «Khuê Văn các», treo chuông trống ở trên, trước cửa có cầu, phía tả là nhà Sùng Văn, phía hữu là nhà Dục Lễ, bên ngoài xây tường vuông, phía trước là cửa

Văn Miếu, tả hữu có hai cửa nghi môn; cột xà chạm đục, thẻ chế tinh xảo. Hàng năm tế vào hai ngày đình mùa xuân và mùa thu. Đầu đời trung hưng nhà vua thường thân làm lễ, về sau sai quan tế thay. Lệ đặt 5 lễ sinh, 50 miếu phụ. Năm Tự Đức thứ 5 phụng mệnh tu bổ, Văn Miếu chính đường và tiền đường đều 5 gian, lại dựng thêm 2 dãy tả vu và hữu vu, mỗi dãy 5 gian; đền Khải Thánh, chính đường và tiền đường đều 3 gian, một tòa cửa giữa 3 gian, một tòa cửa trước 1 gian, một tòa kho đồ thờ 3 gian, một tòa Khuê Văn các hai tầng, ba gian hai chái; phía trước biển « Đại Thành điện » đổi làm « Văn Miếu điện » và « Khải Thánh điện » đổi làm « Khải Thánh từ ».

*Miếu Hội Đồng*: ở phía tây tỉnh thành, thuộc địa phận thôn Bình Thành, thờ linh thần bản cảnh và các văn thần võ tướng có công lao thời khai quốc, gồm 68 người; hàng năm tế vào ngày Bính thứ hai trong tháng trọng xuân và trọng thu. Trước kia, miếu ở góc tây bắc tỉnh thành, năm Gia Long thứ 8 đổi dựng ở chỗ hiện nay, năm Tự Đức thứ 2 tu bổ.

*Miếu Thành Hoàng*: ở phía tây tỉnh thành, thuộc địa phận thôn Bình Thành, dựng năm Thiệu Trị thứ 1, hàng năm tế vào ngày canh giữa hai tháng trọng xuân và trọng thu.

*Đàn Kỳ Phong*: ở bờ biển xã Phước Tỉnh, huyện Phước An, dựng từ đời Gia Long, thờ các vị thần Nam Hải, Ngọc Lân, Long Vương, Hà Bá, Phong Bá, Vũ Sư, Lôi Công, Điện Mẫu, Hải Nhục, Phùng Di, Long Nữ, Diển Bà, hàng năm tế vào đầu mùa xuân mùa thu.

*Đền Lễ Công*: ở phía nam cù lao Phố thuộc thôn Bình Hành huyện Phước Chính, thờ khai quốc công thần Tráng hoàn hầu Nguyễn Hữu Kính. Xưa Kính phụng mệnh kinh lược xứ Nông Nại, mở đất ngàn dặm, mộ dân đến ở, chia đặt thôn xóm, dân địa phương được nhờ, dựng đền thờ tự. Đền trông ra sông Phước Giang, lấy đá ngầm làm thủy thành, dưới có cá chép lạ, lớn 6, 7 thước, cứ đêm khuya tỉnh mạch, thường hương vào đền, quây nháy dưới sóng bơi lội ngược xuôi, như hình múa lay. Sau giai đoạn Tây Sơn hương tàn khói lạnh.

Đầu đời trung hưng, cấp cho 10 người từ phu, hằng năm cho tiền công tế vào mùa xuân, cầu đảo thường linh ứng; năm Tự Đức thứ 4, quan tỉnh tâu rằng đền lâu ngày mục nát, lại bị nước xói, phụng mệnh cấp cho 400 quan tiền giao dân sở tại mua vật liệu, dựng lại đền ở sau cách 10 trượng — *Xét*: Nguyễn Hữu Kính sau khi chết, người Cao Mên dựng miếu thờ ở đầu bãi Nam Vang, dân chỗ bãi đóng quân dựng đền thờ và đặt tên là bãi Lễ Công. Nay thôn Bình Hành tức là chỗ đề quan tài khi trước, chỗ nào cũng tỏ anh linh.

*Đền Quan Công*: ở phía đông các đường phố, về phía nam cù lao Phố, thuộc huyện Phước Chính, trông ra sông Phước Giang, đền đài rộng đẹp, có tượng cao hơn trượng, phía sau là quán Quan Âm cùng với Hội quán Phúc Châu ở đầu phía tây, Hội quán Quảng Đông ở phía đông là ba ngôi đền lớn. Trải qua loạn Tây Sơn, hai ngôi kia bị phá hủy, duy đền này vẫn còn, do người Thanh và người Minh Hương trong tỉnh đền hương thờ tự; miếu mạo vẫn như cũ.

*Đền Long Vương* : ở bờ phía nam sông Phước Long, thuộc thôn Long Sơn huyện Long Thành, thờ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam lang Long Vương. Đời Hiền Tông, thống suất Nguyễn Cửu Vân đánh Cao Mên đi qua chỗ này, gặp chỗ vực sâu có đá ngầm, nước xoáy sóng to; bỗng chốc mưa gió mù mịt, tình thế rất nguy. Vân cầu đảo liền được yên tĩnh. Sau thắng trận trở về, sửa sang đền miếu đề báo đáp, nay dân địa phương có cầu đảo đều được linh ứng. Bên cạnh đền có nhiều cổ thụ, cây cao nhất thường có giống dơi vàng to bằng con quạ, cánh dài đến 2 thước, đỗ trên cây kể hàng trăm con, ai muốn bắn giơ phải cầu khấn ở đền mới được.

*Đền Diên Công*: ở xã Hắc Lăng huyện Phước An, thờ khai biên công thần chưởng cơ Diên Lộc hầu Nguyễn công, chép ở đền thờ.

*Đền Giáp Công*: ở thôn Phước Trinh huyện Phước An, thờ an biên công thần là kí lục kiêm cai cơ Giáp Linh hầu, tên có chép ở đền thờ, nhưng sự tích và họ không được rõ.

*Đền Hiền Ngọc Hầu*: ở thôn Phước Bảo huyện Phước An, thờ thống binh Hồ Văn Hiền là con tập chức của Hồ Văn Quý là thống binh đầu đời trung hưng; Hiền đóng quân ở đạo Nục Giang, sau chết ở đạo sở, tỏ dấu anh linh, dân địa phương có cầu đảo liền ứng; năm Minh Mệnh thứ 19, nguyên hộ phủ là Phạm Duy Trinh đào sông Xích Lam, đêm nằm mộng, bèn lập đền thờ.

*Đền Hộ Hồ*: ở thôn Linh Chiêu Tây huyện Nghĩa An, Hộ Hồ là họ ngoại thích, năm Thiệu Trị thứ 2

cho lập đền ở làng ngoại thích thờ năm đời của Phúc Quốc công.

*Đền Nam Hải tướng quân:* ở xã Phước Tĩnh, huyện Phước An, thờ thần Nam Hải tướng quân Ngọc Lân. Thần là cá ông voi, thường tế độ người bị nạn trong sóng gió, nhưng sự cứu giúp ấy chỉ từ sông Gianh đến Hà Tiên là thường tỏ rõ, ở các biển khác thì không.

*Đền Hỏa Tinh:* ở thôn Phước Thành huyện Long Thành, thờ Hỏa Thần thường tỏ anh linh.

*Đền Châu quận công:* ở xã Hắc Lăng, huyện Phước An, thờ Lâm Thao quận công Châu Văn Tiếp. Ông là người thôn Vân Hòa, huyện Đồng Xuân, đạo Phú Yên theo đòi ở Vọng Các, tỏ rõ công lao trong trận Mân Thít; hết trung tử tiết, không có con, phần mộ ở xã Hắc Lăng, chỉ có Nguyễn Văn Hóa người tỉnh Định Tường là cháu ngoại người em gái của ông đi lại trông nom; năm Tự Đức thứ 3, nguyên thụ tuần phủ Định Tường là Đỗ Quang đem việc tâu lên, chuẩn cho lấy tiền công dựng từ đường ở xã Hắc Lăng, đặt 5 người phu mộ và cấp cho 60 mẫu ruộng thờ; lại gia ơn cho Nguyễn Văn Hóa được bổ thụ chức hàm tòng cửu phẩm bá hộ, để mỗi năm ngày kỵ đều nhà thờ sung chủ tự.

*Đền Trung Tiết:* ở phía tây bắc tỉnh, thôn Bình Thành, huyện Phước Chính. Năm Minh Mệnh thứ 14, nguy Khôi gây loạn, Lê Văn Nghĩa, lãnh binh tỉnh Bình Thuận gia hàm chưởng cơ, Phan Văn Song, vệ úy vệ hậu nhị quân Vũ lâm tặng chưởng cơ; Trần Văn Du, phó vệ hữu nhất tá dực, Đặng Văn Quyến, quản cơ Định Dũng, Trần Văn Thiệu, Nguyễn Văn Lý, Ngô Văn Hóa, phó quản cơ ba cơ Phú Tráng, Thuận Nghĩa, Biên

Hùng, mấy người phụng mệnh đi đánh dẹp đều chết trận, sau khi bình định cho lập đàn tế, năm thứ 18 cho lập miếu thờ, hằng năm quan địa phương một lần đến tế.

### CHÙA QUÁN

*Chùa Hộ Quốc*: ở bờ phía nam sông Phước Long, thuộc địa phận thôn Đắc Phước, huyện Phước Chính, do chánh thống suất Nguyễn Văn Vân dựng. Năm Giáp Dần, đời Túc Tông được ban biển ngạch chữ vàng, khắc chữ «Sắc tứ Hộ quốc tự», phía tả khắc những chữ: «Long đức tứ niên, tuế thứ Ất Mão trọng đông cốc đán» (Ngày lành tháng 11, năm Ất Mão Long Đức thứ 4, 1735); phía hữu khắc chữ «Quốc chủ Vân tuyền đạo nhân ngự đề». Ngày nay dấu cũ vẫn còn.

*Chùa Long Hưng*: ở huyện Phước An, không rõ dựng từ đời nào.

*Am Vân Tĩnh*: ở thôn Long Sơn, huyện Long Thành là chỗ tĩnh tu của vãi Lượng. Theo *Nhất thống dư địa chí* của Lê Quang Định, thì trước kia có ni cô Thị Lượng dựng am ở đây, tuy lâu ngày đổ nát, nhưng cảnh trí vẫn đáng ưa. Có người đề thơ rằng:

«Sơ lâm di phế tự.  
Hoang kính tỏa chinh trần.  
Bảo tháp qui ngư lộ;  
Liên trì âm mã tân.  
Hoa hàm chung cồ hận;  
Thảo trưởng vãng niên xuân,  
Mãn mục tùy linh lạc,  
U hoài nhập vận tân»

(Rừng thưa còn chùa nát ;  
 Đường vắng khóa bụi trần.  
 Tháp báu lồi trâu lại,  
 Hồ sen bến ngựa đăm.  
 Hoa ngậm hờn muôn thuở  
 Cỏ tốt xuân năm xưa.  
 Tiêu điều đầy nước mắt  
 Cảm khoái gởi văn thơ).

*Chùa Hội Sơn*: ở địa phận phường Long Tuy huyện Long Thành, là chỗ thiền sư Khánh Long hóa thân.

*Chùa Bảo Phong*: ở trên núi Bảo Phong, thuộc địa phận thôn Bình Định Điện huyện Phước Chính, cảnh trí thanh nhã, phía sau chùa có cây lão mai, lá rậm, gốc già, cành xiên, tháng chạp nở hoa, bẻ cắm bình nước, có thể để được hàng tuần, nhưng không thể đem trồng chỗ khác được.

*Chùa Đức Vân*: Xem «Núi Trấn Biên».

*Chùa Long Cốc*: Xem «Núi Chứa Chan».

*Chùa Vạn An*: ở thôn Phước An huyện Phước An. Hiền Tông hoàng đế bản triều cho biển ngạch khắc chữ «Sắc tứ Vạn An tự» và «Vĩnh Thịnh lục niên, thất nguyệt, cát nhật, quốc chúa Thiên Túng đạo nhân ngự đề». Năm Minh Mệnh thứ 10, chùa bị cháy, sự trụ trì đem biển ngạch cất ở chùa Long Hưng.

*Chùa Bảo Sơn*: ở thôn Bình Thành, huyện Phước Chính, gặp tiết tốt, trai gái tụ hội, cũng là nơi danh thắng.

*Chùa Bảo Thành*: gần chùa Bảo Sơn, trong chùa có